

Đinh Khang Hoạt CHIẾN SỬ CA 2020

CHIẾN SỬ CA

Chống Ân,
Diệt Hán,
Phạt Tống,
Chống Nguyên,
Bình Ngô,
Bại Thanh,
Đả Thực,
Bài Bá Đạo.

*

Đinh Khang Hoạt
2020

*Kính dâng Tổ Quốc Việt Nam
Kính ghi ơn các vị Anh Hùng - Tử sĩ
đã hy sinh bảo quốc & tồn chủng.*



Mục Lục:

Thay lời tựa	1
- A/ Lược sử thời Tam Đại	2
- B/ Sử luận	4
- Bài ca chống giặc Ân	5
- Luận về thần-thoại	7
- Cuộc khởi-nghĩa của hai bà Trưng	9
- Sử luận	10
- Chiến ca đuổi Hán	11
- Nhà Lý	15
- Sử luận	16
- Chiến ca phạt Tống	19
- Lược sử Trần triều	21
- Chiến ca chống Nguyên	29
- Nhà Hậu Lê	31
- Chiến ca Bình Ngô	35
-A/ Lược sử chống quân Thanh	37
- B/ Bài ca Bình Bắc	41
- Chiến ca chống thực dân Pháp	45
- Bi hùng ca chống Pháp	51
- Sử luận chống thực dân Pháp	55
- Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp	57
- Chính kiến về cuộc chiến Quốc - Cộng. .	71
- Chiến ca ủy-nhiệm	78
- Thay kết từ	81
-Sách tham-khảo	82.

*

Thay lời tựa

Xuân Thu Hoa

Chi Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng ngày trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn-hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hương

“Đình Tiên Hoàng khi cờ lau Vạn Thắng

Trần Hưng Đạo khi Vạn Kiếp chi cơ

Lê văn Hưu khi chép pho sử thặng

Hàn Nguyễn Thuyên khi đọc tế ngư tồ.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hoa

’**Lê Thái Tổ** khi Bình Ngô Đại Cáo

Còn non sông anh khí vẫn bàng-bàng

Lê Hồng Đức khi vườn Quỳnh chính giáo

Còn non sông nắng hóa vẫn chang-chang.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi quang

Nguyễn Quang Trung khi bình Thanh thệ chúng

Nguyễn văn Thành khi chén rượu diếu tang

Phan Sào Nam khi chép pho vong quốc

Còn là hồn Đại Việt sống vô cương.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hương.

(Xuân Thu Hoa/ XY Lý Đông A)

A/ Lược sử thời Tam Đại:

Nhìn vào hình thể tổng-quát nước Tàu, ta thấy ba phía: Bắc là sa mạc Gobi, cao nguyên Ordos, Tây Bắc là thung lũng Tarim, phía Tây là cao nguyên Tây Tạng và dãy Hy Mã Lạp Sơn, phía Tây Nam là vịnh Bengal, phía Đông nhìn ra biển Thái Bình Dương, nên Tàu thời thượng cổ tựa như cô lập không tiếp xúc với các nền văn minh khác như Ai Cập, Luỡng Hà, Ba Tư, ...ngoại trừ các nền văn minh khác ở Châu Á.

Với các con sông lớn Hoàng Hà, Dương Tử, Tây Giang đều chảy từ tây qua đông hợp với các dãy núi mà chia Tàu thành các miền quan trọng:

- Phía bắc lưu vực sông Hoàng Hà gồm các tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây (*nước Tấn thời Chiến quốc*), Tuy Viễn, Ninh Hạ, Cam Túc,...

- Phía nam Hoàng Hà và phía bắc lưu vực sông Dương Tử gồm các tỉnh: Sơn Đông (*nước Tề thời Chiến Quốc*), Giang Tô, Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc, Thiểm Tây (*trung tâm của thời Tây Chu*), Tứ Xuyên, ...

- Phía nam lưu vực sông Dương Tử (*gồm nước Sở, Ngô, Việt thời Chiến Quốc*) gồm các tỉnh: Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Hồ Nam, Quý Châu, Côn Minh, Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây (chưa kể đến những miền như Mãn Châu, Mông Cổ, Tân Cương, và Tây Tạng mà nòi Hoa mới chiếm mấy thế kỷ nay).

Chính vì Tàu rộng lớn, và chia thành 3 miền rõ rệt, ngay nội cánh đồng Tứ Xuyên cũng đã lớn hơn nước Việt, mà ta thấy có ba (3) nét chính:

- *Rộng mênh-mông.*

- Đa dạng và phức-tạp.
- Nhu-cầu truyền kiếp bành-trướng về phương

Nam...

Khoảng năm 1134 trước Tây lịch, nhà Tây Chu cấu kết với tộc Khương (*cổ Tây Tạng*) để diệt nhà Thương. Ba đời Hạ - Thương - Chu, sử Tàu gọi là “**Tam Đại**”.

Các sử gia Tàu chia thời Chu làm hai:

- Thời Tây Chu từ 1121 - 770 tr. C.N. Thời kỳ này nhà Chu đóng đô ở đất Phong (thuộc Thiểm Tây ngày nay) .

Tương truyền Văn Vương xưa tên là Xương bị vua Trụ giam ở ngục Dữu Ly. Trong thời-gian bị giam trong ngục, ông Xương đã nghiên-cứu 64 quẻ Dịch . Sau vua Trụ tha ông , và phong làm Tây Bá, sai ông đi dẹp loạn, ông thắng rồi dời qua ở đất Phong (Thiểm Tây)

Ông mất, con ông là Phát nối ngôi Tây Bá, hội chư hầu đánh Trụ, dứt nhà Ân (Thương) tự xưng là Chu Vũ Vương, truy phong cha là Văn Vương.

Như vậy, nhà Chu vốn là một bộ-lạc hiếu chiến đã diệt được một bộ-lạc khác văn minh hơn (nhà Thương) ở phía Đông. Sử kiện này, tiếp tục xảy ra nhiều lần trong lịch sử Trung Hoa, **thời nào cũng bị các bộ-lạc du-mục phía Tây lấn áp**. Đó là điểm đáng chú ý trong lịch sử Tàu .

Theo Quách Mạt Nhược mà giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã trích dẫn trong “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, tập 1, trang 114: “*Cương vực cổ đại của Tàu chỉ là Trung bộ sông Hoàng Hà, tức là địa phương Hà Nam, Trực Lệ, Sơn Tây, Hiệp Tây ngày nay vậy. Phía Bắc Trực lệ, Sơn Tây thì gọi là Bắc Dịch, phần lớn địa hạt Hiệp Tây thuộc Tây Nhung, hạ lưu sông Hoàng Hà thuộc Đông Di.*”

B/ *Sử luận:*

Quá trình lịch-sử Việt cho thấy: suốt một ngàn năm bị Tàu đô-hộ, với chính-sách cai-trị tàn bạo, tiêu hủy đền-dài di-tích lịch-sử, cộng thêm ý đồ thâm độc, chủ-trương Hán hóa. Để được tự-do và có chủ quyền cho vận mệnh mình, và cho dân-tộc. Không đổ máu, tuyệt không xoay chuyển được thời-đại. Cuộc đấu tranh sống còn của dân Việt với nòi Hán được thể-hiện rõ trong sáu chữ: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt” . Người dân Việt ý-thức được và bảo nhau cứ đi ngang qua cột đồng của Mã Viện thấy một cục đá dưới chân đồng trụ thì không thể nào diệt được dân Việt, nó càng thể-hiện lòng yêu nước thương nòi của dân-tộc Việt. Lịch-sử Việt đã chịu biết bao vinh nhục để dân-tộc được sống còn. Nhờ tinh-thần dân-tộc và lòng quyết tâm sắt đá được un-đúc. Tinh-thần này đã bắt rễ trong tim óc, trong tâm-hồn và ý-chí của tổ tiên chúng ta, và tất cả con dân nước Việt chỉ vì không muốn trở thành dân Tàu..

Chúng ta có thể tự hào và hãnh-diện rằng: Chưa có dân-tộc nào đau khổ và nổi bật hơn lịch-sử dân Việt về sức mạnh chiến-đấu cho nền độc-lập tự chủ của mình. Một ngàn năm bị Tàu đô-hộ là một ngàn năm tranh đấu sống còn cho dân-tộc. Dân Việt vẫn bảo-tồn được gia-tài văn-hóa, ngôn-ngữ, và truyền-thống bất-khuất của Tổ Tiên. Việt vẫn là Việt, Hán vẫn là Hán, điều đã làm cho nhiều sử-gia cũng như những nhà nghiên-cứu cổ học, sử học trên thế giới phải ngạc-nhiên, và cho đó là phép lạ không thể nào giải-thích được.

Bài ca chống giặc Ân

Vào thời Tam Đại, ¹
Bại-họa nhà Ân,
Hôn quân: Kiệt. Trụ ²
Tội độ hoang dân!
Ngán thay! dòng giống xâm lăng,
Gian manh, dâm-giật, nhập-nhằng gốc dân!
Hạ, Thương, Chu ta cần nên tỏ,
Dạ xâm-lăng thường ngó Văn Lang.
Chúng mong triều Việt ngã-nghiêng ,
Để hồng Hán hóa láng-giềng chủ trương. ³
Ngờ đâu Việt, tưng-cường **Phù Đổng** .
Đã đứng lên diệt kẻ xâm lăng.
Ba năm chẳng nói, chẳng rằng.
Chỉ nằm chờ đợi, sứ thần truyền rao. ⁴
Ai người tài trí, đức cao ?
Ra tay cứu nước, anh hào tiếp tay.

1-Tam Đại: Sứ Tàu gọi ba triều đại Hạ - Thương (Ân) và Chu là Tam Đại.

2- Kiệt, Trụ: Hai ông vua tàn bạo. Kiệt, tên là :ý Quý, vị vua thứ 17, vị bạo chúa cuối cùng nhà Hạ, bị Thành Thang dứt ngôi lập ra nhà Thương. Nhà Thương (1075 TCN- 1046 TCN). Theo truyền thuyết Đế Tạn còn được gọi là Thương vương Thu thường cùng Đất Kỷ, một cặp đôi ác phu phụ, đóng đô ở Triều Ca (Huyện Kỳ, GHà Nam ngày nay). Theo truyền thuyết, hai ông vua bạo tàn trên chỉ biết rượu chè, phụ nữ, tình dục nerồn Trụ vương bị Chu vũ vương đập đổ.

3- Truyền thống cũa Tàu là hưng Hoa diệt Di.

4- Làng Phù Đổng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

5- Xem truyện cổ nước Nam của Trần Lam Giang.

“Chí làm trai Nam, Bắc, Đông Tây,
Cho phỉ sức vẫy-vùng trong bốn biển.” ¹

Nước nhà nguy biến.

Thông báo cần rao:

Kêu gọi anh-hào,

Lê nào im lặng ?

Bầy trượng, vọt cao. ²

Ngựa thần thét lửa,

Roi sắt quật thù.

Tre Đằng Ngà thay thế ³

Tỏi đỉnh Sóc giặc tan.

Công thành, danh nên thoái,

Tạ ân đức Mẹ, Cha,

Mũ áo xin lưu lại,

Bay thẳng ngựa về trời. ⁴

Nhớ anh hùng niên thiếu,

Công to, dẹp giặc Ân.

Sắc phong vương: “**Phù Đổng**.” ⁵

Vạn thế .đức vô song.

Ngày 14 tháng 3 năm 2020.

Duy Khang.

1- Thơ, Kể Sĩ, Nguyễn Công Trứ.

2-K.hi ngựa và roi sắt sứ thần đem tới, Phù Đổng vươn vai lớn cao 7 trượng, nhảy lên ngựa sắt và vút roi dẹp giặc.

3- Roi sắt giết gia985c nhiều quá bị gãy, ngài nhổ các cây tre ở làng Đằng Ngà thay thế cho kiếm để diệt giặc tiếp.

4- Khi giặc đã tan, ngài cởi mũ áo, vái lạy tạ công ơn cha mẹ đã nuôi dưỡng, rồi cưỡi ngựa bay lên trời.

5- Vua Hùng nhớ ơn cứu nước, sắc phong ngài là Phù Đổng Thiên Vương,

Luận về Thần Thoại :

Thần-thoại có thể nói là một tín-ngưỡng thần-bí tối cổ ở các xã-hội xa-xưa, khi đoàn-thể ấy chưa ý-thức tự mình là một đoàn-thể độc-lập với hòan-cảnh chung quanh. Họ sống chìm vào trong ý-thức tập-thể bàng-bạc, nhưng rất linh-dộng như trong liên-hệ của một “lang” (làng). Tín-ngưỡng này là một sức mạnh liên-kết của một đoàn-thể.

Thần-thoại vốn có một giá-trị tự-tại và ít ra nêu lên quan-niệm sống của một dân-tộc, gói-ghém ý-hướng thâm-sâu của tiền nhân. Thần-thoại của một dân-tộc không những là một quốc bảo, mà còn là một kho tàng bất tận cho nguồn thi hứng và sáng-tác. Ta có thể nói thần-thoại là cốt-lõi của sử học. Thần-thoại bao gồm dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Đặc-tính của thần-thoại là “siêu-thời-gian”. Cái lõi của thần-thoại thường đặt trên triết-học nhiều hơn là sử-học.

Paul Diel, trong “*Le Symbolisme dans la Mythologie Grecque*” đã viết: “*Thần thoại là một sáng-tạo tập-thể về giấc mơ siêu-ý-thức của thực-tại.*” (*Le mythe est une création collective d'un rêve surconscient de la vérité.*), và Laurens Van Der Post, trong *Pattern of Renewal*, trang 9 cũng cho rằng: “*Không có bộ thần thoại thì không thể thành một dân-tộc. Dân-tộc nào không có bộ thần-thoại thì không thể được coi là có văn-hóa hay văn-minh, vì bộ thần-thoại là những câu chuyện diễn-tả tinh-thần của dân-tộc ở mức-độ cao nhất, và cũng là di-sản thiêng-liêng của dân-tộc đó.*”

Các nhà xã-hội-học nhận thấy trong lịch-sử tiến-hóa của các xã-hội nhân-loại, thì đặc-biệt ý-thức dân-tộc của Việt mang theo một ý-chí mãnh-

liệt và thiêng-liêng. Điểm này đã thể-hiện cụ-the qua “*trống đồng Lạc Việt*”.

Trống đồng là hiện-thân của “*hồn nước*”. Trống đồng là dấu-hiệu uy-quyền của tù-trưởng, bộ-lạc, lãnh tụ đoàn-thể. Mỗi khi nổi hiệu trống là để kêu gọi nhân-dân, điều-động ba quân,... Nào *trống thúc quân, trống cầm canh, trống ngũ liên, trống thu không*, tất cả sinh-hoạt của nhân-dân hầu như khuôn theo nhịp trống.

Trống đồng quả là tượng-trưng cho tinh-thần dân-tộc Việt, cái ý-chí độc-lập, tự cường bất-diệt qua thời-gian và không-gian.

Đời Hậu Lê, quan thái-phó Nguyễn văn-Khải có bài thơ:

*Non Đài châu lại nước bao vây,
Chung đúc anh-linh tại chốn này.
Bầu giốc trên đàn mưa tưới khắp,
Trống khua trời thẳm, giặc tan bay,
Bia rùa, triện đá ngàn sương biếc,
Trát phượng, niêm vàng chói nắng gay.
Kim cổ cuộc cờ bao xóa đổi,
Lấy-lừng chính khí, nước non dầy.*

Xét thư tịch Việt liên-quan đến trống đồng, hay đồng cổ của văn minh Đông Sơn, sách “*Đại Nam Nhất Thống Chí*”, tập thượng có nói đến “*Ở trên núi Khả Lao thuộc huyện An Định, ngày xưa vua Hùng đi đánh trận, đêm mơ thấy thần báo mộng: “Xin có cái trống đồng và dùi đồng giúp nhà vua thắng trận”. Đến lúc vua ra trận, thấy trên không văng-vẳng tiếng trống, quả-nhiên vua được thắng.*”



Cuộc Khởi Nghĩa

của

Hai Bà Trưng

Năm 34 Tây lịch, vào thời Đông-Hán (thời địa-bàn Bách-Việt đã bị nòi Hoa chiếm-lãnh, ngoại trừ phòng-tuyến cuối cùng là đất Giao-Chỉ và Cửu Chân), dưới triều Hán-Quang-Vũ, Tô-Định làm thái-thú quận Giao-Chỉ. Tô-Định cai-trị rất bạo-tàn. Người dân Việt không những ép-buộc theo phong-tục, văn-bóa người Tàu, mà còn phải chịu sưu cao, thuế nặng, bắt đi làm trâu, buộc lên rừng tìm gỗ quý, xuống biển mò ngọc- trai để tất-cả dâng-biến cho bọn cai-trị tham-tàn, dâm-ô. Tình-cảnh dân-chúng thật thê-lương, đau khổ không thể nào tả xiết!

Trước tình-cảnh đen tối của đồng-bào, Thi-Sách, quan lệnh-doãn buyện Chu-Diên, chồng của bà Trưng-Chắc, gửi thư cảnh-cáo, hy-vọng Tô-Định bãi-bỏ chính-sách tàn-bạo. Tô-Định không quan-ngại lời cảnh-cáo, còn giết Thi-Sách. Bà Trưng-Chắc bèn cùng với người em gái là Trưng-Nhị nổi lên đánh đuổi Tô-Định. Bọn Tô-Định phải trốn về Tàu.

Lời hiệu-triệu của Trưng Vương để vận-động cho cuộc đấu-tranh chống Hán:

“Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng”

Đó là khẩu-hiệu phát-động lần đầu trong lịch-sử Việt về đấu-tranh cách-mạng dân-tộc. Truyện cột đồng của Mã-Viện với 6 chữ “Đồng Trụ Chiết, Giao-Chỉ diệt” càng tỏ rõ tính-cách đấu tranh kịch-liệt giữa hai nòi Việt với quan quân nhà Hán, càng nổi bật lòng yêu nước thương nòi của dân-tộc Việt trước dã-tâm đen tối của kẻ thống-trị.

Sử luận:

Năm Tân-Sửu (41 T.L.), vua Hán Quang-Vũ sai Mã-Viện làm Phục-Ba tướng quân, sang đánh Trưng Vương.

Được tin quân Hán qua Giao-Chỉ, nữ tướng của hai bà Trưng đem quân giao-chiến, giết được hơn ngàn quân giặc. Hán binh phải lui binh, biểu tấu về Hán để xin viện binh. Vua Hán mật truyền phải dùng mưu hơn là vũ-lực. Mã-Viện giả sai một đạo quân từ Bảo-Lạc (Cao-Bằng) đến đóng Đại-Man (Tuyên-Quang) bí truyền sắp đánh các đạo trên. Trưng Vương trúng kế, phái quân hỏa-tốc cứu vùng Thượng-Du - Mã-Viện liền tấn-công ngay vào sào-buỵet của Trưng Vương, nơi ít đề-phòng và thực-lực đã bị phân-tán.

Trưng Vương bại trận, Mã-Viện thiết-lập một chế-độ thật chặt-chẽ để kìm-hãm tinh-thần quật-cường của dân Giao-Chỉ. Với chính-sách mới, giai-cấp quý-tộc Giao-Chỉ mất hết uy-quyền và ảnh-hưởng.

Dã-tâm thống-trị của Mã-Viện đối với dân Việt đã thể-hiện qua sáu chữ “**Đồng Trụ Chiết, Giao-Chỉ Diệt**” (Cột đồng gãy, dân Giao-chỉ diệt vong) khắc trên cột đồng mà y cho dựng ở ranh-giới Việt-Hoa.

Henri Maspéro nghiên-cứu về thời-kỳ Giao-Chỉ lệ-thuộc nhà Đông Hán đã kết-luận: “Mã-Viện là người đầu-tiên dùng bạo lực cưỡng-gian văn-hóa Lạc-Việt, tức là văn-hóa Trung-Quốc áp-đặt vào đời sống của xã-hội Việt”.¹

1- Chiếc áo khách mà ngày nay ta còn mặc là di sản y phục theo Hán ngày xưa. Có sách chép là Trưng-Trắc và Trưng-Nhị. Theo Việt-Sử tân-Biên của Phạm văn-Sơn, dựa vào cuốn “Trưng Vương Lịch-Sử” của Cúc-Hương Hoàng tiên-sinh, vì hai bà làm nghề chần tằm, kén không lép gọi là kén chắc và kén mỏng hơn là kén nhè. Do đó chữ Chắc và Nhị mới đúng.

Chiến Ca Đuổi Hán.

Bà Trưng, quê ở Châu Phong,¹
Thù nhà, nợ nước một công đôi đền.
Hồng quần nhẹ bước chinh yên.
Đuổi ngay Tô Định, dẹp nền Văn Lang.²

Ồi! võ công hiển-hách,
Thu tóm về một tay,
Sáu mươi lăm thành quách,
Kỷ-lục vượt thời gian!³

Rạng-rỡ danh giá Việt!
Nhà Hán đưa Mã Viện⁴
Để đối diện bà Trưng
Một tướng tài tôi-luyện.

Thua được là lẽ thường,
Uy cường đo ý chí.
Hát Giang trải ngàn thu⁵
Danh thơm còn muôn thuở!

-
- 1- Phong Châu, nằm giữa Việt Trì cho tới khu-vực đền Hùng (Lâm Thao, Phú Thọ), huyện Bạch Hạc, Việt Trì Phú Thọ.
 - 2- Văn Lang (cái làng Văn Hiến), quốc hiệu Việt Nam thời lập quốc.
 - 3- Bà Trưng thân tóm 65 thành trì trong khoảng thời gian mấy tháng.
 - 4- Vua nhà Hán phải đưa tướng tài Mã Viện sang đối địch với Bà Trưng và trước khi sang đánh, nhà vua khuyên dùng mưu hơn là dùng lực.
 - 5- Mã Viện đã dùng kế đánh lừa hai bà Trưng là giả đánh nơi khá để nhai Bà đem binh chống chọi, vì tàn quân nên ở nơi chủ yếu làn kinh đô bị bỏ ngỏ nên Mã Viện dấn thẳng, hai bà phải rút lui và sau cùng tự vẫn ở Hát Giang.

Luận thế sự, đông tây kim cổ
Thêm Jeanne d'Arc nước Pháp mà thôi.¹
Tài năng, danh thực ở đời,
Đâu cần phải đợi có lời giáo phong,
“Trúc xinh, trúc mọc quanh đình,
Em xinh, em đứng một nình cũng xinh.”²
“Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì co anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa cưới, mẹ già chưa khâu!
Áo anh sút chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng, anh lại giúp cho,
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo;
Giúp em quan tám tiền cheo.
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.”³

-
- 1- Theo Wtktpria tiếng Việt: Xứ nữ Jeanne d'Arc (1412-1431) là một nữ anh hùng chiến đấu trong cuộc chiến 100 năm giữa Pháp và Anh. Trong cuộc chiến, thành Orléans bị vây hãm, Charles III đã gửi Jeanne đến cứu viện. Sau 9 ngày Jeanne trở thành nhân vật quan trọng trong quân đội Pháp. Ngày 23/1440 Jeanne bị phe quý tộc thân Anh bắt tại Compiègne và bị xét xử bởi giám mục thân Anh và bị thiêu sống. Năm 1456, giáo hoàng Callidus xóa bỏ các cáo buộc trước và phong Jeanne là người tử vì đạo. Đến 1803, Jeanne được công nhận là anh hùng dân tộc của Pháp.
 - 2- Ca dao - Nêu rõ tính thần độc lập.
 - 3- Ca dao, Nêu lên tính cách tự do, phóng khoáng của nam - nữ.

Gái, thì phóng khoáng mời trầu:
 “Vào vườn hái quả cau xanh.
 Bỏ ra làm tám, mời anhnsời trầu.
 Trầu này tèm với vôi Tàu,
 Giữa đệm quế cánh, hai đầu thơm cay.
 Trầu này ăn thực là say,
 Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
 Dù chẳng nên đạo vợ chồng,
 Sỏi dăm ba miếng kéo lòng nhớ mong.”¹
 Gái - trai phân biệt bên Tàu.
 Số dân bắt chước làm “rầu nồi canh.”²
 “Trai làm chi, gái làm chi,
 Con nào có nghĩa, có nghì thì hơn.”³
 Ngày nay lần dỡ cáo thơm,
 Sử xanh ghi tạc công ơn Hai Bà.



1- Ca-dao nêu rõ tính cách phóng khoáng giữa nam và nữ.
 2- Câu tục ngữ Việt thường nói Con sâu làm rầu nồi canh, để nói nồi canh đang ngon lành, bỗng dừ một con sâu ro8i vào, nồi canh sẽ bỏ đi, không ăn được nữa.
 3- Văn hóa Việt Nam không trọng nam hơn nữ, mà quý con nào ăn ở cho phải đạo làm con là hơn. Chính vì không quý nam hơn quý nữ, mới có những câu:

Ví mà chồng thấp vợ cao,
 Như đôi đũa lệch sao sao cho vừa.

Đôi khi nữ còn to quyền hơn nam, Tục ngữ có câu Lệnh ông không bằng công bà hay những chuyện tiểu lâm bá huyện bà thường khóa râu chồng vào cháp.

Nổi đau buồn cho hiện tại vì nhiều năm bị Tàu đô hộ, xã hội Việt bị bắt ép theo phong tục Tàu, hay bắt chước lâu ngày thành thói quen, nên có nhiều hủ tục của Tàu còn lưu lại đến ngày nay!



Ba năm xây dựng cơ đồ,
 Ngân thu vàng vạc bên bờ Hát Giang.



(1010 - 1225)

Lược Sử : Lý-Công-Uẩn lên làm vua tức Lý Thái-Tổ. Nhà vua dời kinh-đô ra Thăng-Long (Hà-Nội ngày nay), đổi quốc-hiệu là Đại Việt. Triều Lý cộng tất cả được 215 năm, đã mở-mang nhiều mặt: hành chính, giáo-dục, luật-pháp, ngoại-giao.

Đặc-biệt về giáo-dục, năm 1075, mở khoa thi tam trường, kỳ thi đầu-tiên ở nước ta để chọn người văn-học vào làm quan.

Năm 1076, lập “Quốc-Tử-Giám”, năm 1086 mở khoa thi chọn người văn-học vào “Hàn-Lâm viện”.

Năm 1089, định quan-chế, chia văn - võ làm 9 phẩm.

Về binh-bị tổ chức rất quy-củ, đến nỗi nhà Tống bên Trung-Hoa cũng phải khâm-phục và bắt-chước. Đời Lý đã đem quân đánh nhà Tống và bình Chiêm-Thành mở rộng bờ-cõi.

Theo Việt-Nam Sử Lược của Trần-Trọng-Kim “Từ nhà Đinh, nhà Tiền Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai-trị nước ta, nhưng vẫn lăm-le có ý muốn xâm-lược. Đến nhà Tống, tể-tướng Vương An-Thạch cải-tổ chính-trị nước Tàu, đặt ra ba phép về tài-chính và 2 phép về binh chính:

Tài-chính:

1- Phép thanh-miêu là khi lúa còn xanh thì nhà nước cho dân vay tiền, đến khi lúa chín, dân phải trả tiền lại và tính theo lệ nhà nước đã định mà trả tiền lãi.

2- Phép miễn-dịch là cho những người dân đình ai phải sưu-dịch có thể nộp tiền để nhà nước lấy tiền thuê người làm thay.

3- Phép thị dịch là đặt ra một sở buôn bán ở chốn kinh-sư để thu-thập những hàng-bóa mà dân sự bán không được. Đặt phân lời để cho thương-gia vay.

Việc binh chính:

1- Phép “bảo giáp” là lấy dân làm lính. Chia 10 nhà làm một bảo, 500 nhà làm một đô bảo. Mỗi bảo đặt hai người chánh, phó để dạy tập võ-nghe.

2- Phép “bảo mã” là nhà nước giao ngựa cho các bảo nuôi. Con nào chết thì dân phải theo giá định mà thường lại.

Vương-An-Thạch lại có ý dòm ngó ngoài biên. Bấy giờ quan tri-châu Tiêu-Chú ở Ung-Châu biết ý Vương-An-Thạch, mới làm sớ tâu rằng: Nếu không lấy đất Giao-Châu thì về sau thành ra một điều lo cho nước Tàu”.

Vua nhà Tống nghe lời tâu, sai Lưu-Gi thu xếp mọi việc theo ý Vương-An-Thạch.

Lưu-Gi sai người đi biên các khe ngòi, đồn lũy, sửa binh khí, làm thuyền bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn bán với người Giao-Châu.

Bên Lý triều ta thấy tình sự như vậy, viết thư sang hỏi Tống triều. Lưu-Gi giữ thư lại không đệ về kinh. Lý triều tức giận bèn sai Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đản đem 10 vạn quân chia làm 2 đạo thủy bộ cùng tiến đánh, lấy có rằng nhà Tống đặt ra phép mới làm khổ trăm họ. Vậy quân Đại-Việt sang đánh để cứu vớt nhân-dân.

Sử Luận:

“Không đọc sử không đủ tư-cách nói việc quốc-gia. Đọc sử không giải được nghĩa và không nắm được thể-dụng tất không thể có được bản-lĩnh về chính-trị.

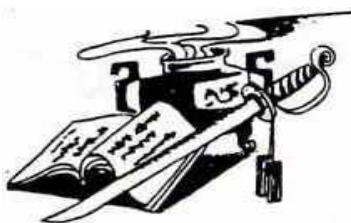
Cần đem một tri thức suốt mặt thống-nhất vào một nhãn-quang mới phân-tích được một biến-cố trên lịch-sử cho thích-đáng...

Cuộc chiến-tranh Lý-Tống là sự xung-đột giữa thể-chế dân-bản với thể-chế đế-quốc, mà dân-chủ quyết-định phải thắng.

Xã-hội Tống chạy theo con đường tư-bản chủ-nghĩa... Vương-An-Thạch là tín-đồ của phái pháp gia, lúc ấy đề-xướng biến pháp, tu-chỉnh lại quan-hệ kinh-tế của nông-nghiệp với công, thương nghiệp. Một mặt đem kinh-tế quốc-dân lệ-thuộc sự chỉ-đạo của chính-phủ, và một mặt chính-phủ lấy chính-trị xâm-lược phát-triển ra ngoài làm phương hướng. Để thí-nghiệm sự phát-triển ấy đổ vào đầu dân ta bằng sự cấm chợ, ngăn sông vùng biên-giới Quảng-Tây và sự ăn cướp mỏ vàng ở Quảng-Nguyên.

Tờ tuyên-ngôn khai chiến phát ra từ triều Lý kịch-liệt công-kích sự biến-pháp của Vương-An-Thạch vì mục-tiêu đen tối của biến-pháp.

*Các trận Ung, Khâm, Liêm của Lý-Thường-Kiệt cần được đưa vào chiến sử và phát-huy hết giá-trị của nó. Kinh-nghiệm trên quân-sự là **lấy công làm thủ**.¹*



1- Lý-Đông-A, Chu Tri Lục 4, Sóng Đáy.xb. 1965.



Chiến Ca Phật Tông.

Hôm nay, cỡi ngựa thần lên núi Tản.¹
Thúc phi nhanh, lên tận chín tầng trời.
Mời: Văn-Xương, Vũ Khúc,²
Lời tuyên đọc Thiên thư:

*“Năm quốc sơn hà nam đế cư.
Tiết nhiên định phân tại thiên thư.
Như hà, nghịch lễ lai xâm phạm.
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*³

Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, muôn còn thiên thư ...

Con sông nào không xuôi về biển?
Co nước nào không bốc thành hơi.
Hơi lên kết đọng mây trời,
Gió đưa mây tới khắp nơi non ngàn.

Mây kết thành mưa,
Mưa tuôn thác đổ,
Tạo suối, khơi nguồn.
Sạch buồn tủi nhục .
Đem lại nụ cười.
Vui tươi cuộc sống.

Trong ta có đất, có trời,⁴
Tam tài thống-nhất, dệt lời gấm hoa.

1- Núi Tản = Tản Viên sơn.

2- Văn Xương, Vũ Khúc là hai vị thần văn, võ trên trời.

3- Thơ Lý Thường Kiệt.

4- Vũ trụ không có con người, thì tất cả chưa có tên.
Có con người danh xưng vạn vật mới bắt đầu có. .

Trước thời cuộc, vân xoay thế sự.
Cờ bày ra, tứ lự so tài?
Tàu - Ta, so sánh quân bài,
Về lượng, địch lớn gấp hai mươi lần!

Thế đối đầu, thập phần nguy-hiểm,
Cao dựng mưu, “**triệt gốc, ngọn tàn**”¹
Tướng hùng, Thường Kiệt hiên-ngang,
Đem quân tiến thẳng hang hùm Liêm -Ung .²

Một phút oai rờng,
Ca vang dậy sóng:
Cánh tay dơ cao.
Muôn vạn lời hô .

Hòn sủ ta, tre lau xuất-hiện,
Chỉ cho rằng biểu-hiệu bình-dân.
Đáy tầng cốt lõi tinh-thần,
Lấy dân làm gốc, đâu cần tìm xa.

Súc tổng-hợp , Lý triều ta,
Đồng nguyên tam giáo, đáng ca tuyệt vời.
Vạn Xuân danh hiệu muôn đời ,
Cháu con Hồng Lạc, sáng ngời sử xanh.

Lập Xuân, 2019

Duy Khang.

1- Triệt gốc, ngọn tàn, nếu triệt được gốc rễ thì cây phải tàn úa.
Hai Châu Ung và Liêm là hai căn cứ địa (hậu cần) của nhà Tống trước khi muốn tiến quân xâm lược Việt Nam. Khi hai căn cứ làm hậu cần bị hủy diệt tức đi đến chính yếu tiếp lương thực và quân số không thể thực hiện tất tiên tuyến phải suy yếu.

2- Hai châu Ung và Liêm là hai quận ở nước Tàu.

Lược sử Trần Triều.

A/ Chiến Thắng Quân Nguyên Lần Thứ Nhất:

Năm 1278, Trần-Thánh-Tông nhường ngôi cho thái-tử Khâm lên làm vua tức là vua Nhân-Tông.

Nhà Nguyên nghe tin này, sai lễ bộ thượng-thư là Sài-Thung sang sứ đem thư trách: “Sao không xin phép triều-đình nhà Nguyên, mà dám tự lập, vậy phải sang châu thiên-triều hoàng-đế”. Vua Nhân-Tông từ-chối việc sang châu.

Đến năm 1282, vua nhà Nguyên lại cho sứ sang dụ rằng: “Nếu vua nước Nam không sang châu được thì phải đưa vàng ngọc sang thay, và phải nộp hiền sĩ, thầy âm dương bói toán, thợ khéo mỗi hạng hai người.”

Vua Nhân-Tông sai người chú họ là Trần Di-Ái và Lê-Tuân, Lê-Mục sang thay mình. Vua nhà Nguyên không bằng lòng, quyết ý chiếm giữ quyền cai-trị nước Nam, bèn xuống chỉ lập tuyên-phủ ty, đặt quan lại sang giám-trị các châu huyện. Quan lại nhà Nguyên sang đến nơi, Nhân-Tông không nhận, đuổi cả về Tàu.

Năm 1283, Nguyên cử sai con là Thoát-Hoan làm Trấn Nam vương cùng với bọn Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh Chiêm-Thành.

Quân nhà Nguyên chia làm hai đạo: một đạo do Toa-Đô đem 10 vạn từ Quảng-Châu theo hải-đạo sang đánh Chiêm-Thành; còn Thoát-Hoan kéo đại binh đến ải Nam-Quan, sai người đưa thư sang nói cho mượn đường đi đánh Chiêm-Thành.

Để chống cự với quân nhà Nguyên, vua Nhân-

Tôn phong Hưng-Đạo Vương Trần Quốc-Tuấn làm tiết-chế thống-lĩnh thủy bộ.

Hưng-Đạo vương truyền hịch cho các vương hầu hội hết quân sĩ tại bến Đông-Bộ-Đầu để điểm duyệt. Thủy quân và lục quân cả thấy 20 vạn. Hưng Đạo vương phân-phối: Trần-Bình-Trọng đem quân đóng đồn trên sông Bình-Tham, Trần-Khánh-Dư giữ mặt Vân-Đồn (Quảng-Yên), còn các tướng chia ra đóng các nơi hiểm-yếu. Hưng-Đạo vương tự dẫn đại quân đóng ở Vạn-Kiếp để tiếp-ứng cho các nơi. Được ít lâu, Nhân-Tông nghe tin về báo quân nhà Nguyên hội tại Hồ-Quảng sắp-sửa kéo sang mặt Lạng-Sơn. Vua có ý lo quân ta địch không nổi, bèn sai sứ mang đồ lễ sang Tàu, xin vua nhà Nguyên hoãn binh để thương-nghị lại.

Vua nhà Nguyên không nghe, sai Thoát-Hoan cử việc tiến binh.

Nhân-Tông thấy vậy, lập-tức cho triệu các bô-lão dân gian hội tại điện Diên-Hồng để bàn xem nên hòa hay nên chiến. Các bô-lão đều đồng thanh xin đánh. Vua thấy dân chúng một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng-cự.

Quân Thoát-Hoan tiến đánh Chi-Lãng, Hưng-Đạo Vương kém thế, thua chạy về Vạn-Kiếp. Nhân-Tông nghe tin, liền ngự một chiếc thuyền nhỏ xuống Hải-Dương rồi cho vời Hưng-Đạo Vương đến bàn việc, nhân thấy quân mình thua, trong bụng lo sợ, mới bảo Hưng-Đạo Vương rằng: “Thế giặc to như vậy, mà chống với chúng thì dân-sự tàn-hại, hay là trẫm hãy chịu hàng đi để cứu muôn dân”.

Hưng-Đạo vương tâu rằng: “Bệ-hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân đức, nhưng mà tôn miếu xã-tắc thì sao? Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng!” Vua nghe lời nói trung-liệt như vậy, trong bụng mới yên.

Hưng-Đạo vương chiêu-tập quân các đạo, hội tại Vạn-Kiếp được hơn 20 vạn quân.

Bấy giờ quân Nguyên thế lớn, đóng khắp các nơi, từ vùng Bắc-Ninh, Thăng-Long, Thiên-Trường, ..

Ở vùng Nghệ-An lại có Toa-Đô, Đường Ngột-Ngãi, Ô-Mã-Nhi đánh ra.

Nhờ tài cầm quân và lòng trung dũng của Hưng-Đạo Vương, quân một lòng chống giặc; Quân ta liên-tiếp thắng các trận: Phá giặc bến Hàm-Tử, chém tướng Toa-Đô tại Tây-Kết, khôi-phục được Thăng-Long. Khi vào thành Thăng-Long, thượng-tướng Trần-Quang-Khải đã sáng-khoái cao ngâm bài thơ :

Đoạt sáo Chương-Dương độ
Cầm Hồ Hàm-tử quan
Thái-bình nghi nỗ lực
Vạn cổ thử giang-san. ”

B/* Chiến Thắng Quân Nguyên Lần Thứ Hai:

Mùa xuân năm 1287, vua Nhà Nguyên sai Thoát-Hoan làm đại-nguyên-soái đem hơn 30 vạn quân sang đánh báo thù.

Quân ta kịch-liệt đối đầu với quân Nguyên. Trần-Khánh-Dư cướp được các thuyền lương của quân địch tại trận Vân-Đồn; quân ta đại thắng trên sông Bạch-Đằng. Các tướng Nguyên như Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Tích-Lê, Cơ-Ngọc đều bị bắt, tàn quân còn lại Áo-Lỗ-Xích và Thoát-Hoan kinh-hoảng lên đường tẩu chạy về Yên-Kinh.

Nước ta đã trải hai lần nguy kịch đối đầu với quân Nguyên. Đúng như hai câu thơ của Thượng-hoàng Thái-Tông:

“ Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn-hà thiên cổ điện kim âu.”
(Xã tắc hai phen hơn ngựa đá,
Non sông thiên cổ vững âu vàng.)

Như chúng ta đã biết “Hốt-Tất-Liệt, hung thần trên con ngựa Mông-Cổ, tuyên-bố phải đem dân-tộc ở màn vải lên trên dầu hết giống nòi khác mới phải chí. Hốt-Tất-Liệt đã gióng ruổi quân Nguyên chiếm lĩnh và chinh-phục nòi Hán (dứt nhà Tống), tốc quân sang đến Arabie, Perse, qua Sibérie sang tận Danube, tới ngõ thành Vienne. Trong đời đạo quân 10 triệu ấy chỉ biết có ngọn gió Itsé làm đắm thuyền với bàn tay Việt làm chúng mảnh giáp không còn.

Chiến-lược quân Nguyên y theo nền-tảng quan-hệ giữa xã-hội và kinh-tế của du-mục hiếu chiến. Đại-thể, thứ kỵ-binh thiểm-diện chiến (Blitzkrieg) của lính ngựa. Sự phối-bị của quân-đội ấy hoàn-toàn theo thể-chế phong-kiến bộ-lạc. Để thích-hợp với mục-đích chiến-lược, tất-cả đồ trang-bị đều nhẹ-nhàng, gọn-gàng, kín-đáo. Bộ tổng-tham-mưu thi-hành chiến-lược, trước hết triển-khai lưới gián-diệp suốt nước và tinh-báo chiến-địa rồi qui-định kế-hoạch tác-chiến. Uy-hiếp và tiêu-diệt mọi mặt qua sách-lược rất quỷ-quyệt, hành-vi rất tàn-ác, phá-hoại thật triệt-để và những cất-nhấc tay sai rất nhanh chóng. Đây là toàn-bộ của toàn diện chiến và quốc-lực chiến ngày nay.

Sự thắng trận của Hưng-Đạo Vương đặt trên cả một nền-tảng xã-hội đời Lý đến Trần, và cả một thể-hệ vật-chất với tinh-thần trọn vẹn. Xã-hội ta lúc bấy giờ được tổ-chức chặt-chẽ từ gia-đình, gia-tộc tông-tộc đến quốc-gia. Về kinh-tế, quốc-dân từ đời Lý, chế-độ quân điền đã gây cho quốc-dân bình-đẳng trên tài-sản và tự-do trên hưởng-dụng. Trên nền-tảng xã-hội ấy mà sinh ra nguồn-cội của độc-lập trên mặt tinh-thần. Tam giáo (Phật - Khổng - Lão) đồng lưu lạc qua truyền-thống dân-tộc đã thể-hiện tư-tưởng độc-lập qua sự diễn đạt chữ “nôm”, các văn-nghệ, nghệ-

thuật và thần-đạo lúc bấy giờ còn un-đúc sinh-hoạt quốc-dân trong một bầu không-khí cao-thượng ,...

Thể-chế dân-bản chính-trị cũng là độc sáng của ta với chế-độ của công đình, nơi mà toàn thể dân chúng hội-hợp với nhà vua bàn luận việc nước. Các chính-sách khoa-cử, đê-điều, doanh điền, trọng công và trọng thương làm cho xã-hội ngày một phần hoa, đồng-thời khuyến-khích các tiến-hóa khác. Đến nhà Trần, tuy tập quyền nhưng vẫn không mất hẳn tác-dụng dân-chủ của dân chúng. Giáo-dục phổ-cập đi đôi với giảng-cứu võ thuật. Nông thôn và ngư-nghiệp đều song-song phát-triển làm cho năng-lực dân-chúng rất cao.

Ngoài yếu-tố trên, sự phát-động hội-nghị Diên-Hồng nêu rõ ý-nghĩa xã-hội ta ở thời Trần lấy trường lão làm trung-tâm, đồng-thời nói lên tinh-thần dân-chủ rất cần khi kêu gọi toàn dân kháng-chiến. Một ý-nghĩa khác, sự xách-động kháng-chiến cố-nhiên ở chính-quyền, nhưng ý-chí của dân-chúng qua quyết-nghị của các đại-biểu (bô-lão) mới có công-hiệu cho việc hiệu-triệu, và quốc-gia không bị năm bè bảy mối.

Cuộc tổng-động-viên về tinh-thần làm bằng về và hịch; cuộc tổng-động-viên nhân-lực làm bằng sự khoáng sung quân-đội, chiêu-dụng tướng tài, tổ-chức dân chúng, huấn-luyện chiến bị; cuộc tổng-động-viên về vật-lực làm qua cách thu-thập kinh-tế về các khu-vực an-toàn, di-động các lao-động để sản-xuất, kế-hoạch “vườn không nhà trống”, cổ-võ dân dũng cần vương, ân-xá các tội phạm, thu dụng các phần-tử bất-đắc-chí còn là một đả-kích lớn cho âm-mưu của giặc Nguyễn định dùng Trần Ích-Tắc làm chính-phủ bù-nhìn.

Lòng trung dũng của toàn-thể tướng sĩ phối hợp

với sự đoàn-kết của toàn dân. Quyết chết nghĩa là quyết sống, người người đều khắc hai chữ “Sát Thát” (giết giặc Nguyên) vào bả vai, tỏ ý không thỏa-hiệp; toàn thể quốc-gia suốt bao năm kham-khở chiến-đấu, chỉ có hai làng Bàn-Hà và Ba-Điểm theo giặc làm hướng-đạo.

Ngoại-giao cũng thực-hành theo mục-đích của chiến-lược. Lấy lập-trường nghiêm-chỉnh và hành-động quả-đoán để đối-phó với quân địch mới là đạo quyết thắng. Sự vận-động trung-lập-hóa nước Chiêm-Thành thành-công ở lòng kiên-quyết tỏ rõ sự tín-nghĩa của nước ta không cho giặc mượn đường. Các bộ-tộc thiểu số đều được an-phủ một cách xứng-đáng, làm cho không còn lo-ngại về mặt sau mà còn được lòng tin, sự giúp đỡ quân-sự và kinh-tế của họ (như Đăng-Nghĩa). Khu an-toàn đã dự-kế trước, ở đấy thành-lập một căn-cứ để tổng phản-công và hồi sinh của nòi giống.

Tất cả các gắng sức lớn-lao bằng máu và mồ-hôi vô kể. Dân ta đào cả những con sông dài để vận-tải, giữ chặt các nơi yếu yếu, len-lỏi, đỏi nhọc hàng mấy năm ở khu du-kích.

Quân Nguyên chia 5 đường: Vân-Nam, Chi Lăng (bộ quân), Vạn-Kiếp (thủy quân), Tây-Kết và Thuận-Hóa (quân đổ bộ) . Đại bản-doanh ở Bắc-Lệ, hữu ở Thăng-Long, tả ở Vạn-kiếp. Quân ta, Trần-Hưng-Đạo tức tam quân tổng-tư lệnh, Trần Quang-Khải ví như lục-quân tư-lệnh, Trần-Nhật-Duật với Trần Quốc-Toản ví như du-kích tư-lệnh. Giờ phản-công đến sau 4 năm kháng-chiến - Sau trận Chương-Dương, Hàm-Tử và Tây-Kết, phá vỡ hữu dục và quân biệt-động của bên địch, tiến lên thu nốt hiệu-quả tiêu-hao chiến qua trận Vạn-Kiếp, để rồi khép chính-quy và du-kích quân lên

bao-vây Thoát-Hoan ở Bắc-Lệ, y phải chui vào ống đồng hết vĩa mà về Tàu.

Tóm lại cuộc thắng Nguyên là nhờ ở dân-tộc ta có căn-bản nội tại phối-hợp với lúc lâm-thời có một quốc sách cố-định thực lâu dài. Sự kiến-thiết một hồi sinh căn-cứ địa chính là tiêu-điểm của cuộc thắng Nguyên. Sự phát-huy được sức lực toàn dân ví như dây cung căng lên, bắn ra hết sức, tên theo một phương-hướng sống còn cho nòi giống. Sự độc-lập và thắng-lợi là do những hiệu-quả của các tiền-đề kia phát-huy ra thực-tiến.



Liên Bình-Phong
"Là kẻ làm gì một, ham sát hơn dân vọng đời (Thú)." "

Chiến ca chống Nguyễn.

Trần triều gặp gian khổ!¹
Tư Hân, soái tài công.
Muốn đem dân Mông Cổ
Đứng trên đầu mọi tông.!

Mông chinh-phục đại Hán,
Làm cứ-địa xuất quân.
Tiến: Arabi - Vienne., và Danube...
Chiến-lược thật bất nhân.

Dùng gián-điệp -khai triển,
Mau-chóng đặt chó săn
Tiêu-diệt toàn diện chiến,
Gây vạ điều khó-khản.

Triệt mọi mầm quật khởi!
Cần phá bỏ gông cùm.
Trước vạ nước: “Hòa” hay “Chiến”?
- Chiến!

Quốc nội lược: lấy gì lo chiến-chinh?
- Hy-sinh!

Muôn cánh tay, vung lên,
Cùng hô to: “**Sát Thát**”.²
Cùng một lòng hy sinh,
Hy sinh là quyết sống.
Sống cho xứng anh hùng.

Đoạt giáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử Quan.

1- Thành Cát Tư Hân, một thủ lĩnh Mông Cổ đã có mộng đem dân Mông Cổ làm chủ khắp nơi.
2- Quyết chết là quyết sống.

Thoát-Hoan trận Bắc Lệ
Quả tộ tướng quân Mông,
Chui ống đồng trốn lui
Thật nhục nhã vô cùng!¹
Diên Hồng cuộn cuộn lốc,²
Như vượt sóng trùng-dương.
Súc dân làm súc gốc.

Dân chủ thực toàn dân.

Tri - tiêu - toàn kháng-chiến,³
Nhà trống với vườn không.
Chuyển dịch vào thụ động,
Trở thành kẻ hạ phong.

*Tam thời lao thạch mã Vạn cổ thủ giang sơn.*⁴

Oai người xưa cao ngất !ủ
Trên độc lập siêu nhiên,
Một tinh hoa thống-nhất,
Trên “*Tam Giáo đồng nguyên.*”
Mọi mặt đều sung túc.
Thịnh vượng sĩ, nông, công
Đối địch thật đùng cảm.
Cử thế tuyệt vô song.

Ngày 22 tháng 2. 2020

Duy Khang

1- Trận Bắc Lệ, Thoát Hoan phải chui vào ống đồng để thoát chết vì tên ta bắn.

2- Hội nghị Diên Hồng, nơi bỏ lão toàn dân về hợp, đó đúng là tinh thần dân chủ toàn dân, dân chủ thực sự, dân chủ nhân bản để đồng ý dưới giặc. Quyết định của vô lão có tác dụng ng đến gia đình, cơ năng của quốc gia.

2- Tri - tiêu - toàn : Chiến lược của Hưng Đạo vương là tri cửu chiến, hợp với du kích chiến và toàn dân kháng chiến làm quân địch dù có chiếm được các thôn xã, cũng chỉ là vườn không nhà trống.

4- Thơ của đức Trần quang Khải: Ba lần đánh dưới quân Mông Cổ thất gian nan. Sau cùng bờ cõi nước Nam cũng vững bền.

NHÀ MẬU LÊ

(1428 - 1788)

A/ Lược Sử: Lê-Thái-Tổ búi Lê-Lợi, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1385, người làng Lam-Son, tỉnh Thanh-Hóa.

Khi nhà Minh đem quân chiếm nước Việt, cai trị rất tàn-ác: bắt dân Việt khai mỏ vàng, săn voi trắng, mò bọ trên-châu, cấm dân nấu muối riêng, bắt nộp cống đủ điều, thuế-má nặng-nề,... Hơn 20 năm, dân tình khổ-ải trăm bề.

Lê-Thái Tổ trước tình thế quốc-dân đau khổ, quyết chí dẹp loạn, cứu nước.

Quan cai-trị người Minh biết ngài là hào-kiệt nước Nam, cố dụ ngài ra làm quan, ngài từ chối mà nói rằng: “Làm trai ở trên đời nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo-bo làm dầy tớ người.”

Đầu xuân Mậu-Tuất (ngày 7/2/1418), trong bầu không-khí linh-thiên của ngày tết dân-tộc, Lê-Lợi dựng cờ khởi-nghĩa ở Lam-Son và truyền hịch đi khắp nơi kêu gọi toàn dân vùng lên đuổi giặc.

Gần 10 năm gian-khổ, ba lần phải rút về Chí-Linh, nhiều khi khốn-đốn, vợ con bị giặc bắt, lương-thực khô cạn,... nhưng vẫn kiên-trì. Sau ngài đuổi được Phương-Chính, chém đầu Liễu-Thăng ở núi Mã-An, bắt sống Thôi-Tụ, Hồng-Phúc, quét sạch quân Minh, tái dựng nền tự chủ của nước nhà.

SỬ LUẬN:

Sau khi đánh bại nhà Hồ (Hồ-Quý-Ly), quân

nhà Minh thi-hành một chính-sách thống-trị rất sâu độc. rất phong-kiến, rất thực-dân, không còn lời nào tả xiết! Mục-đích thâm độc của nhà Minh là bắt người

Việt đồng-hóa với người Tàu. Từ ăn mặc, cúng tế, học-bành,... việc gì cũng bắt theo như người Tàu. Những di-tích, đền-đài của người Việt thì chúng phá-bủy, sách vở, châu báu cùng đàn bà con gái bị bắt đem về Tàu rất nhiều!

Chính-quyền trung-ương được tổ-chức bằng ba đầu cai-quản (triumvirat): Đô-chỉ-huy-sứ (cầm đầu quân-sự), án-sát-sứ và bố-chính-sứ (chỉ-huy quyền tư-pháp và dân-sự). Chế-độ quân-sự tập quyền này trói tất cả nhân lực, vật lực, tài lực Việt vào một thể-chế cực-kỳ nghiêm-mật. Công-nhân bị khống chế dưới “huong lằm” (nơi thu hết thóc gạo Việt), nhà buôn bị khống chế bởi thương-vụ cục (nơi thu thuế má và chiếm hết các lời lãi), thầy tu bị khống-chế dưới tăng-khu, tăng-kỷ và tăng-cương, thầy bói cũng bị cai-quản bởi một ty cục sở tại, muối bị khống-chế dưới “diêm-thuế cục”. Ngoài các quân khu, tư-pháp khu, còn các hành-chánh khu, tất cả những cơ-cấu ấy khép lại thành những gọng kìm xiết chặt người Việt. Chúng đã dùng lưỡi lê bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách, bắt các nhân tài Việt (như Lê-Tắc làm quyền An-Nam Chí Lược, Nguyễn Văn-An xây thành Bắc Kinh), giả vờ dụ các nhân-tài ra rồi giết đi, hiếp tróc đàn bà con gái, di dân tù tội sang tranh cướp, đoạt-chiếm tài-sản người Việt,... diệt chủng người Việt bằng cách lao-động, đày ải cho kiệt sức (mò trai đáy bể, kéo gỗ trên rừng, săn tê-giác trên núi...), hạn-chế kinh-tế, năng-lực và văn-hóa thủy-chuẩn của người Việt.

Trong tình-huống ngặt-ngheo như vậy, Bình-Định vương Lê-Lợi làm thế nào để vận-động được quần

chúng ?

- Dùng sách truyền gây dư-luận qua khẩu vận (bằng miệng dân loan-truyền). Hiệu-năng không những để các anh-bùng thảo-dã biết đến con người lãnh-tự của mình mà còn gây được lòng tin mãnh-liệt nơi dân-chúng.

- Về quân-sự, “chiến-lược địa-lý đã vạch ra theo thế tam-giác: Lục-Hoa, Hòa-Bình và Tản-Viên sơn. Ở đây, nguyên-tắc hành binh, “tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng” (lúc cần để dưỡng quân thì thật kín-đáo an-toàn, khi tham trận thì vũ-lộng chín tầng trời). Sự lấy thời-gian đối lấy không-gian là chiến-lược chính của hoàn-cảnh ấy”.

- Về ngoại-giao, một mặt ly-gián Chàm với Tàu, một mặt mua chuộc sự trung-lập của họ và vạch rõ cho họ biết cái lợi bại sự trung-lập cho tương-lai của họ. Các bộ-lạc thiểu số cũng được vận-động vì mệnh-vận chung của giải đất mà hỗ-trợ tích-cực tinh-thần cùng vật-chất.

- Về cách-mạng, người lãnh-đạo có một tinh-thần “tự thắng”. Mạnh-Tử xưa có nói: “Trời sắp giáng đại mệnh cho ai tất bắt người đó óc mồi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ chiều khốn-khổ, bách chiết thiên ma, làm cho người đó động lòng đứng dậy mà lớn lao lên”. Người nào muốn đi tìm lẽ sống cho dân-tộc đều phải nan hành khổ hạnh, người đó phải là **thắng nhân**, phải **tự thắng** tất-cả những yếu hèn, dục vọng dốt-nát, chia-rẽ,... làm vẫn đục tình người. Thắng nhân là cuộc đấu-tranh tự thắng trên thể-xác, tri-thức; tự thắng trên thể sống chính mình và với người.

Bình-Định Vương Lê-Lợi đã từng-trải biết bao gian-nan, đã sống thực-tiến trong đời sống của quốc-dân với dân-tộc để quyết tâm vạch ra con đường chính-xác sống còn của dân-tộc; đã nắm vững lấy

ương-vị chủ-đạo của mình mà gánh-vác lấy sứ-mệnh cứu dân cứu nước.

Đấn thân con đường cách-mạng có khốc-chế mình có thắng chính mình mới giúp người để thắng. Có làm chủ chính mình thì mới giúp người làm chủ, giúp toàn dân làm chủ đất nước. Cách-mạng xã-hội chỉ có thể thực-biện được khi song hành với cách-mạng bản thân.

Cứu lấy nước nhà nghĩa là tranh-đấu lại chủ-quyền về mình, chủ quyền đó phải là căn-bản và chân-chính ở mình, tự quyết, tự trị, tự lập, không thể dùng hình-thức giả-tạo hay vay mượn.

Con đường và phương-hướng chính-trị của dân-tộc phải do ánh-sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ đường, làm nền-tảng của mọi chính-trị và cách-mạng.

Đem đại-nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cho cuồng bạo. Sau khi chiến thắng lại vẫn sẵn-sàng đem báu vật triều-cống, Bình-Định vương Lê-Lợi tiếp-nối tinh-thần trách-nhiệm của người lãnh-đạo đối với toàn dân. Không vì những cao-ngạo, tự-ái nhất thời mà quên quyền-lợi lâu dài của dân-tộc.

Tóm lại, cuộc cách-mạng phát động bởi Bình-Định Vương Lê-Lợi là một khuôn-khổ trọn vẹn trên mọi mặt và mọi nguyên-tắc của dân-tộc cách-mạng.

□

Chiến ca Bình Ngô

Ôi ! anh hùng Lê Lợi,
Người Lam Sơn. trái gọi muôn-truân!
Khổ đau tôi-luyện tinh-thần,
Kiên gan, bền chí. lập thân cứu đời.

**Việc nhân nghĩa ghi lời quan trọng,
Lấy yên dân, diếu phạt trừ tà.”¹**
Trượng phu, một túi kinh luân,
Sắp hai chữ “**nhật tân**”² mà gánh vác.

Tàn ác tặc Minh,
Dân tình khốn đốn!
Thét lên cho trời uất hận.
Vùng lên cho gậy xích-xiềng.

**“Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất.”³**
Lam Sơn khởi nghĩa,
Chí Linh phát cờ.

Cũng có lúc mưa dòn, sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái cuồng phong.,⁴
Lục Hoa, núi Tản, Hòa Bình.
Lập thế tam giác, quân mình tiến lui..⁵

Khi xuất trận,
Long trời lở đất.
Lúc lui quân.
Sâu ẩn chín tầng.⁶

1-Trong Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân. Quân diu phạt chỉ vì trừ bạo.
2- Trong sách Mạnh Tử: Thang chi bản minh viết: Nhật nhật tân. hựu nhật tân...Trong chầu rửa mặt của vua Thang nhắc rằng> Ngày một mới, ngày một mới. Chỉ sự tiến bộ mỗi ngày.
3- & 4-Thơ Nguyễn Công Trứ.
5-Vua Lê lấy Lục Hoa, Hòa Bình, Tản Viên làm thế tam giác.
6- xuất quân thì long trời lở đất. Khi rút thì ẩn tàng sâu dưới đất.
Hành binh:Chỉ thượng nhi động Cửu thiên, Cửu địa chi hạ, ư tàng.

Chí Linh hê! Chí Linh!
Ba lần ẩm vận:
Tinh thể ngật-ngheò:
Thê nhi giặc bắt!
Lại hết quân lương.
Lê Lai cứu chúa.¹

Đại mệnh được trao,
Phải chấp nhận thiên lao bách khổ.
Quyết tung hoành ngang dọc, dọc ngang,
Cho phỉ sức anh-hùng bốn bể,
Tài kinh luân thâm tóm sơn hà.²

Lữ tướng Minh, quân ta bắt sống:
Thôi Tụ, Hồng Phúc,
Phương Chính chịu hàng
Liễu Thăng bị trảm.³

Thề quét sạch, quân Minh ác nghiệt,
Thu giang sơn, dân Việt oai hùng.
**“Lý tưởng Việt, chan-chan lòa ánh sáng,
Lưỡi gươm Việt, phơi-phối hồn ông cha....
Kỹ tuyệt ca
Muôn muôn còn mãi-mãi chân hình,
Vóc tinh-thần, thiết diện quỷ thần kinh.”⁴**

Hoa Kỳ, ngày 6 tháng 12 năm 2019.

Thái Việt.

1- Mười năm đuổi Minh, người anh hùng Lê Lợi đã 3 lần rút quân về Chí Linh. Một lần rút về vì thiếu lương thực. Lần hai vợ con ngài bị giặc bắt; lần ba, ông Lê Lai hy sinh, giả làm ngài để nói vòng vây cho ngài vượt thoát.
2- Ý lấy trong bài thơ Kể Sĩ của Nguyễn Công Trứ.
3- Không những bắt sống tướng Thôi Tụ, Hồng Phúc, Phương Chính xin hàng, còn chém đầu tướng Liễu Thăng ở núi Mã An 1
4- Lưỡi Gươm Việt/ Đạo Trường Ngâm, Lý Đông A.

A\ Lược Sử chống quân Thanh

Năm 1788, vua Càn-Long sai Tôn-Sĩ-Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam sang đánh nước Việt.

Tôn-Sĩ-Nghị kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-Ninh), vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng-Long.

Vua Chiêu-Thống tuy thụ phong, nhưng các văn thư đều phải đề niên-hiệu Càn-Long, ngày ngày đến dinh Sĩ-Nghị chầu-chực việc quân quốc. Người bấy giờ cho rằng: “ Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn-lụy đến thế. Tiếng làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bảm đến quan tổng-đốc, thế thì có khác gì đã bị nội thuộc Tàu ? ”

Bắc-Bình-vương Nguyễn-Huệ được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long, lập-tức hội các tướng-sĩ bàn việc đem binh ra đánh. Các tướng sĩ đều xin bầy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn sơn, ngày 25 tháng 1 năm Mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi hoàng-đế, rồi tự mình thống-lĩnh thủy-bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Tới Nghệ-an nghỉ 10 ngày để mộ thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi...

Vua Quang Trung truyền cho tướng-sĩ ăn tết Nguyên- đán trước, để đến hôm trừ-tịch sẽ cất quân. Vua định ngày mùng 7 tháng Giêng sẽ vào thành Thăng-Long mở tiệc ăn mừng...

Ba quân (tiền quân, tả quân và hữu quân) được lệnh, đến hôm 30 tiến binh ra Bắc. Khi quân sang sông Giản-

Thủy, cánh nghĩa quân của vua Lê tan vỡ. Vua Quang-Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú-Xuyên bắt sống trọn toán quân Tàu đóng ở đấy, vì thế không có tin báo về; những quân Tàu đóng ở làng Hà-Hồi, Ngọc-hồi đều không biết gì cả. Nửa đêm ngày 3 tháng Giêng năm Kỷ-dậu (1789), quân vua Quang-Trung vây kín đồn Hà-hồi, bắc loa lên gọi, quân sĩ dạ ran. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, rúng động tinh-thần, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí-giới. Sáng mờ mờ ngày mùng 5, quân Tây-Sơn tiến đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rom cỏ thấm nước quắn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí-giới theo sau. Vua Quang-Trung cỡi voi đi sau đốc chiến, quân ta vào gần đến cửa đồn, bỏ ván xuống, rút dao xông vào chém. Quân Tàu địch không nổi, xông-xao tán-loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân các đạo khác cũng toàn thắng. Tôn-Sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng-hốt không kịp thắp yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông. Quân các trại nghe tin như thế, xông-xao tan rã chạy trốn, tranh nhau qua cầu, cầu đổ sa cả xuống sông chết chìm vô kể.

Vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa vào thành Thăng-Long, sai tướng đem binh đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam-Quan, những dân Tàu ở gần Lạng-Sơn sợ khiếp, dật-diu nhay mà chạy, từ cửa ải về phía Bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào.

Vào thành Thăng-Long, vua Quang-Trung ra lệnh chiêu an, bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ-nghị bỏ

lại, trong những giấy tờ bắt được có tờ mật dụ của vua Càn-Long: “Việc quân không nên hấp-tấp. Hãy đưa hịch truyền thanh-thế đi trước, và cho các quan nhà Lê họp nghị binh, tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối-địch với Nguyễn-Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai tự quân đuổi theo, đại binh ta theo sau, như thế không khó nhọc mà nên công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng, người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn-Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang chỉ đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân đi đường biển sang đánh mặt Thuận-Hóa và Quảng-Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn-Huệ trước sau bị địch, tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên; từ đất Thuận-Hóa Quảng-Nam trở vào Nam thì cho Nguyễn-Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra thì phong cho tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiểm-chế cả hai bên, rồi sau sẽ có xử trí.”

Nhắc tới công-nghiệp của vua Quang-Trung, phần đông sử sách chỉ nhắc đến chiến-công mà quên phân-tách võ công trác-tuyệt và tư-tưởng cách-mạng dân-tộc tiến-bộ của ngài.

Qua lịch-sử nước nhà:

- Triều nhà Lý, danh tướng Lý-Thường-Kiệt tuy đem quân sang tung-boành ở mấy châu Ung, Khâm, và Liêm, nhưng chỉ là đánh (lấy công làm thủ) để phá thế công của nhà Tống định xâm-lãng nước Việt.

- Thời nhà Trần, hai lần đánh bại quân

Nguyên là nhờ ở “toàn dân chiến-lược”, toàn dân một lòng cự địch.

- Vào hậu bán thế-kỷ XVIII, thời kỳ Nam - Bắc phân tranh. Hai họ Trịnh, Nguyễn đã gây cho đất nước phân ly, xã-hội đồi-bại, chính trị bất-lương, may nhờ vị đại anh-hùng dân-tộc Nguyễn-Huệ bại Thanh, cứu nước nhà thoát khỏi âm-mưu đô-hộ.

“Thiên-tài quân-sự của vua Quang-Trung biểu-hiệu qua các trận: Đống Đa, Quy-Nhơn, và trận Gia-Định. Trận Đống Đa đánh sau 7 ngày cấp-tốc hành-quân, thực-hành chiến-thuật chọc thủng trung-ương (trung-ương đột phá) phối-hợp với sách-lược tuyên-truyền thấm-thấu.



B\ Bài ca bình Bắc.

Kể từ đây

Đã sáu mươi ngàn lần
Mặt trời mọc ở phương Đông, ngùn-ngụt lửa
Mặt trời lặn ở phương Đoài, máu chứa-chan.
Kể từ đây, cũng đã sáu mươi ngàn lần
Trăng tỏ bóng nơi rừng thiêng đất Bắc
Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam
Ruộng dâu kia bao độ sóng dâng tràn
Hãy dừng lại! thời gian, trả lời ta có phải
Dưới vầng nguyệt lạnh-lùng quan ải
Dưới vừng dương thiêu đốt quan san
Sóng hưng phế xô nghiêng từng triều-đại
Mà chí lớn dọc ngang
Mà mộng lớn huy-hoàng
Vẫn nghìn thu còn mãi
Vẫn ngàn thu **người áo vải đất Quy Nhơn**
Ôi người xưa, **Bắc Bình vương!**
Đống Đa một trận trăm đường giáp công
Đạn vèo năm cửa Thăng Long
Trắng gò xương chất, đỏ sông máu mòng.
Giờ đây lại đã xuân sang
Giữa cố quận, một mùa xuân nghịch lữ
Ai kia lòng có chợt mang-mang
Đây với sâu xứ!
Hãy cùng ta, ngẩng đầu lên, hướng về đây tâm

sự

Nghe từng trang lịch sử, thét từng trang.
Một phút oai thần dậy sóng
Tan vía cường bang
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót-vót mây năm mầu chiêm-ngưỡng
Dài mệnh-mông một giải tới Nam Quan

Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng
Khắc sâu vào trí nhớ của dân gian
Một bàn voi che lấp mấy ngai vàng
Ôi Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải
Muôn chiến công, một chiến công dồn lại
Một tấm lòng, muôn vạn tấm lòng mang
Ngọn kiếm trở, bao cánh tay hăng-hái
Ngọn cờ rung, bao tính mệnh sẵn-sàng.
Người cất bước, cả non sông một giải
Vươn mình theo dãy Hoành Sơn mê-mải
Chạy dọc lên thông cảm ý ngang-tàng
Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại
Chín con rồng bơi ngược Cửu Long giang
Người ra Bắc, oai thanh mờ nhạt nguyệt
Khí thế kia làm rung động càn khôn.
Hịch ban xuống lời lời tâm huyết
Lệnh truyền quân, ai dám bước chân chôn
Gươm thiêng cửa võ
Giặc không mỡ chôn
Nát lũy tan đồn
Ôi một khúc hoàn ca hê gào mây thét gió
Mà ý tưởng, lòng quân hê bền sắt tươi son.
Để một mai bông thắm cỏ xanh rờn
Ca trống trận thôi lay bóng nguyệt
Mừng đất trời gió bụi tan cơn
Chúng ta sẽ không hổ với người xưa
Một trận Đống Đa, ngàn thu oanh liệt.
Vì ta sau, trước lòng kiên quyết
Vàng chẳng hề phai, đá chẳng sờn.

Vũ Hoàng Chương.
Bài Ca Bình Bắc.



Đại Đế Quang Trung

Chiến ca chống thực-dân Pháp

I\ Tổng lược.

Triều đình và sỹ phu (1883-1930.):

Trong lịch-sử cận-đại, dưới triều Nguyễn, với lối học “tứ-chương trích cú”, tinh-thần thủ-cựu nơi triều-đình, và chính-sách bế môn tỏa cảng, cấm đạo Thiên-chúa (Gia-Tô giáo), khiến dẫn đến sự đô-hộ của người Pháp.

Suốt thời-gian gần trăm năm, từ 1858 đến 1945, nhân dân Việt cũng như sỹ-phu Việt, người thì tuấn-tiết khi thành-trì thất-thủ, kẻ chiêu-mộ nghĩa quân chống giặc; người bôn-ba hải-ngoại tìm đường cứu quốc, kẻ khổ công dâng nạp điều-trần về cải-cách. .. Nhưng tiếc thay, những đóng góp đáng giá này lại không ngăn-chặn được bước chân đô-hộ của thực-dân Pháp.

A/ Những danh quan triều Nguyễn đã nêu cao truyền thống kẻ sĩ trong văn hóa Việt:

* **Nguyễn Tri Phương**, sinh năm 1800, tên thật là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh hiệu Đông Xuyên làng Đường Long (Chi Long), Thừa Thiên.

. Năm 1823 làm Điển bộ, một chức quan nhỏ trong nội điện.

, Năm 1832 được đứng trong hàng ngũ phái bộ đàm phán thương mại với Tàu

. Năm 35 tuổi được cử vào Gia Định dẹp loạn, khẩn hoang mở rộng lãnh thổ.

. Năm 1840, tuần phủ Nam Nghĩa. (Quảng Nam, Quảng Ngãi).

. Sau tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long, Vĩnh Tường), tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên).

. Năm 53 tuổi, Kinh lược sứ Nam Kỳ.

. Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp & Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, ngày 23-3-1860 quân ta đã đẩy lui được quân xâm-lược.

. Năm 1873, Pháp tấn công thành Hà Nội, trong trận này Nguyễn Lâm con trai Nguyễn Tri Phương tử trận, và chính ông cũng bị trúng đạn! Pháp phần vì quý trọng con người của ông, phần muốn lấy lòng ông để dễ chinh-phục lòng dân Bắc Hà, nên đã cố tình chữa trị cho ông, nhưng ông nhất quyết từ chối và tuân tiết theo thành. Ôi đúng là bậc trung thần dũng sĩ.

* **Phan Thanh Giảng**, sinh năm 1795, nguyên tổ phụ là Phan Thanh Tập sống thời nhà Minh, di cư sang Việt Nam (Bình Định) lấy bà Huỳnh thị Học sinh ra Phan Thanh Ngạn. Năm 1771. ông Ngạn vào Nam ở Thang Trông, Vĩnh Tường, sau dời về Vĩnh Long, cuối cùng lập nghiệp tại Vĩnh Thạnh, Ba Tri, Bến Tre.

- Năm 1825 đậu cử nhân, tiếp đậu tam giáp thời Minh Mạng thứ 7, ông là người đậu tiến sĩ khai khoa ở Nam bộ. Làm quan trải ba triều vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

- Năm 1827 Lang Trung bộ Hình.

- Năm 1828, tham hiệp tỉnh Quảng Bình.

- Năm 1830 Lễ bộ tả thị lang.

- Năm 1835 Kinh lược trấn Tây.

- Năm 1836 tuần phủ Quảng Nam.

. Năm 1839 Hộ bộ thị lang.

- Năm 1840 Phó chủ khảo trường thi Thừa Thiên.

- Ngày 20/6/1867, Pháp đánh chiếm Vĩnh Long, ông biết rằng không thể chống cự. nên mật bảo cho viên quan giữ thành mở cửa thành với điều kiện Pháp giữ an toàn mạng sống của dân chúng. Sau đó ông xếp mũ áo, phẩm hàm về triều đình tạ tội, ông uống thuốc độc tuân tiết.

* **Nguyễn Hữu Huân**, một sỹ phu yêu nước và là một lãnh tụ khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Nam Kỳ. Ông đặc biệt qua hiệu danh thủ khoa Huân. Ông người làng Tịnh Hòa, Định Tường (Mỹ Tho).

Tương truyền năm 1852, đỗ đầu trong kỳ thi Hương nên gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó được bổ nhiệm Giáo thụ phủ Kiến An, tháng 5/1859 giữ chức phó quân đạo. 1861, ông cùng nghĩa quân hoạt động ở Tân Hòa (Gò Công) thất thủ kéo quân về vùng Ly Nhơn (Cần Giẻ), sau rút về Cai Lậy, Tiền Giang.

- Cuối năm 1863, ông rút quân qua An Giang, gặp Thiên hộ Dương, chiêu mộ nghĩa binh khởi nghĩa lần II.

Sau bị bắt và bị kết án 19 năm khổ sai và bị đày ở Cayenne Nam Mỹ.

- Tháng 2/1869, được ân xá, và bị quản thúc ở nhà tổng đốc Phương, ông lại tụ tập nghĩa binh để tái khởi nghĩa, địa bàn kéo dài từ Mỹ Tho tới Cai Lậy.

- 1874 ông bị bắt do bị chỉ điểm.

- Ngày 19/5/1875, ông bị hành quyết!

* **Hoàng Diệu**, tên thật là Hoàng Kim Tích tự là Quang Viễn, hiệu là Tỉnh Trai, sinh ngày 14/3/1829 tại Xuân Đài, Diên Phước, Quảng Nam.

Năm 20 tuổi đậu cử nhân, năm 25 tuổi đậu phó bảng.

Năm 1851, được bổ tri huyện Tuy Phước rồi tri phủ Tuy Viễn (Bình Định).

Năm 1868, tri phủ Đa Phúc, tri phủ Lạng Giang (Bắc Giang), án sát Nam Định, bố chánh Bắc Ninh

Năm 1873, được điệu về kinh giữ chức tham tri bộ hình kiêm quản Đô-sát viện.

Năm 1878, tuần phủ Quảng Nam, thăng Tổng đốc An Tĩnh.

- Phó toàn quyền đại thần đàm phán với sứ bộ

giao thương Tây Ban Nha.

* **Nguyễn Trường Tộ**, còn được gọi là thầy Lân, là một danh sĩ, một kiến trúc sư, là nhà cải cách xã hội Việt ở thế kỷ 19. Ông người Nghệ An, thông minh, học giỏi, được truyền tụng là Trạng Tộ.

Sau khi đồn Chí Hòa thất thủ (1861), trước quyết định mở rộng cuộc chiến ở phía thực dân Pháp, không mong gì nghị hòa, ông từ dịch (chức vụ thông dịch của ông).

Đầu tháng 4/1863, ông đã soạn thảo 3 điều trần: “Tề Cấp Luận”, “Giáo môn luận”, và “Thiên hạ phân hợp đại thế luận”. Đây là những kế hoạch để giúp nước. Ông từ trần ngày 23/11/1871) hưởng thọ 41 tuổi.

* . . .

B/ Phong-Trào Đông-Du và Duy-Tân:

- Bắt đầu từ năm 1902, Phan-Bội-Châu, thủ lĩnh Phong-trào Đông-Du, cụ là một nhà cách-mạng làm trụ-cột cho tất-cả công cuộc vận-động độc-lập của người Việt từ sau khi đảng Cần-Vương tan-rã cho đến hết kỳ thế-giới chiến-tranh thứ I.

- Phong-trào Duy-Tân do các ông Phan-Chu-Trinh, Đặng-Tử-Kính, Trần-Quý-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế, v.v...xướng-xuất.

Năm 1906, Phan-Chu-Trinh sang Nhật gặp nhà cách-mạng Phan-Bội-Châu. Khi về, cụ gửi cho toàn-quyền Đông-Dương một bức thư kể rõ những sai-lầm của chính-sách bảo-hộ. Cụ cùng các đồng chí đi hô-hào, cổ-động duy tân khắp nơi, như cải cách việc học, khuyến-khích công-nghệ, mở trường tân học, lập hội buôn, mở-mang dân trí,... Các vận động này đã đưa đến cuộc biểu-tình lớn xin xâu năm 1908. Đông-Kinh Nghĩa-Thục được lập lên ở Hà-nội vào năm 1907.

Trường dạy không tiền cho thanh-niên nam nữ cả ba miền. Trường chú-trọng dạy Việt-văn, khoa-học, công-nghệ thường-thức. Đôi khi tổ-chức những buổi diễn-thuyết về các vấn-đề văn-hóa, khoa-học, v.v... Trường còn soạn những sách giáo-khoa và những bài ca cổ-động tinh-thần yêu nước.

- Ngoài những vận-động trên, còn có những âm-mitu và mấy cuộc khởi-nghĩa làm chấn-động toàn quốc:

* Âm Mưu Khởi-Nghĩa của Vua Duy-Tân:

Một nhóm chí-sĩ hầu hết là người đã dự vào phong-trào xin sưu năm 1908 muốn nhân cơ-hội nước Pháp lâm vào tình-trạng khó-khăn trong đại-chiến thứ I, tổ-chức một cuộc âm-mitu nhằm lật-đổ nền thống-trị Pháp. Những người cầm đầu là Lê-Ngung, Trần-Cao-Vân, Thái-Phiên, Phan-Thành-Tài, Lê-Dương, Võ-văn-Trứ. Chương-trình là dùng lực-lượng của vài ngàn lính mộ đương luyện-tập ở Huế cùng các lính khố xanh, khố đỏ chiếm kinh-đô cùng 3 tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi làm căn-cứ, lật-đổ Nam triều, đặt chính-phủ khác và tôn vua Duy-Tân lên làm vua lại. Dự-định đúng một giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916 khởi-sự, rước vua Duy-Tân ra khởi cung. Rất tiếc, cơ mưu bị bại-lộ, nên vua Duy-Tân bị đi đày ở đảo Réunion, nhiều người dự vào cuộc âm-mitu đều bị chém hoặc đi đày.

Tinh-thần yêu nước thật là đạt-dào suốt mặt. Các ông Nguyễn-Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Trương-Định, Trương-Bạch khởi-nghĩa liền mấy trăm trận chống Pháp; Nguyễn-Huân oanh-liệt, ba lần bị bắt, trốn khỏi ngục lại tự

nghĩa. Lúc sắp bị giết vẫn kháng-khái: “Túng tử dĩ kinh hồ lỗ phách, bất hàng cam đoạn tướng quân đầu” (Dẫu chết cũng kinh hồn nghịch tặc, không hàng chịu chém cổ tướng quân). “

Hưu quan án-sát Hải-Dương là Nguyễn-Cao tự đảng khởi-nghĩa mưu lấy lại tỉnh thành. Bị Pháp bắt, ông tự mổ bụng, không chết lại tự cắn lưỡi mà chết...



Bì hùng ca chống Pháp

(Giới vua, quan)

Giang sơn Việt đời-đời gấm vóc
Ngàn xưa, sau tiếp-tiếp trao truyền.
Mỗi khi vận nước ngả-nghiêng,
Toàn dân giết giặc hien ngang trẻ, già.
Vua quan ta lẫm-liệt,
Quyết tiêu-diệt xâm-lãng.
Quân thần chung sức lực.
Trên dưới quyết một lòng.
Vua **Duy Tân**¹ chẳng màng ngôi vị,
Mật, âm-thầm rời Huế đấu-tranh.
Dũng thay! vị tướng thủ thành.
Nguyễn Tri Phương² quyết lưu danh ở đời
Thành Thăng Long, **Hoàng Diệu**³
Mục tiết-tháo ai bì?
Quyết vì nước, **Thủ Khoa Huân**⁴
Hai lần tự nghĩa, liều thân mất còn.

1-Vua Duy Tân tên thực là Nguyễn Phúc Vĩnh San, sinh 1900-, thất bại khởi nghĩa với ViệtNam Quang Phục hội. Ngày 6/5/1916 vua Duy Tân và các chiến sỹ Quang Phục hội bị bắt ở một ngôi chùa thuộc Quảng Ngãi.Nhà vua bị lưu đày sang đảo Réunion.

2-Nguyễn Tri Phương trấn thủ thành Hà Nội, con ông là Nguyên Lâm tử nạn, ông cũng bị trúng đạn, quyết, tuẫn tử theo thành.

3- Hoàng Diệu,, tên thật Hoàng Kim Tích, sinh ngày 14/3/1829 tại Xuân Đài, Quảng Nam. Đậu cử nhân năm 20 tuổi, năm 25 đậu phó bảng.. Năm 1880 tổng đốc Hà Ninh. Năm 1882 thành Hà Nội thất thủ, ông đã tự vận.

4- Thủ Khoa Huân, người Định Tường, Năm 1852 đậu thủ khoa khóa thi hương. được bổ làm giáo thụ Định Tường.Năm 1860 bỏ dạy học tập hợp nghĩa quân. Năm 1863 rút về Cai Lậy. Năm 1964, ông bị kết án chung thân và bị đày đi Cayenne (Nam Mỹ) Năm 1869 được ân xá, trở về nước lại chiêu binh chống Pháp, năm 1879 ông bị hành quyết.

Một lời “thề hải minh sơn”¹
Làm tôi phải trọn chữ trung ở đời.
Trả ta sông núi lời tâm huyết.
Hồn sử mệnh mang, lộng gió ngậm (Gió đáy)²
Nào Trường Tộ với điều trần
Những điều tâm huyết cần cho triều-đình.
Nào Bùi Viện cải-cách,³
Đều uống sức, uống công!
Nổi miền Nam, Võ Duy Dương,⁴
Vị anh-hùng.thật kiên cường chống Pháp
Hoảng Hoa Thám, con người Yên Thế.⁵
Lấy rừng sâu, mưu kế trăm bề.
“Ở đây đã có ông Đề,
Tây lên thì có, Tây về thì không.”

1- Thề hải minh sơn: Thề biển hẹn non = Lời thề với núi sông.

2- Lộng gió nguồn : = Ngọn gió đáy, chỉ ngọn sóng ngậm, sức mạnh đáy tầng, sức mạnh của toàn dân. Chỉ sức mạnh này mới có thể lật đổ mặt tầng đã đi ngược lại ý muốn của toàn dân. Đúng với câu Dân vi quý quân vi khinh hay Dân vin quý, xã tắc thứ chi.

3- Bùi Viện và Nguyễn Trường Tộ đã dâng sớ cải cách và mớ mang lên triều đình nhà Nguyễn, nhưng tiếc thay những điều trần trên không có những đầu óc sáng suốt để kịp thời phát triển.

4- Ông Võ Duy Dương n= Thiên hộ Dương,nổi tiếng ở vùng Đồng Tháp Mười.

5- Thời chống Pháp, Chiến lữ Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, Pháp mỗi khi tiến đánh đều thất bại, nên có câu ca-dao trên.- Năm 1917, muốn nhân cơ-hội Pháp bận chiến-tranh với Đức, ông Lương-Ngọc-Quyến lúc đó bị giam ở nhà tù Thái-Nguyên, bèn cổ-động tinh-thần ái quốc, được nhiều binh-sĩ nghe theo. Đêm ngày 31-8-1917, Trịn-b-Cẩn cầm đầu 200 lính hạ-sát viên giám-binh Pháp, chiếm các công-sở, phá nhà tù.

Cũng có tướng vì dân mà nhượng,
Xếp kiếm cung, chịu tội truều đình! ¹
Huyết hoa, sử Việt trắng hùng,
Hóc Môn, Bà Điểm, ² Vườn Trầu” *lưu danh.*

Oanh liệt Phan Đình Phùng ³
Địa linh người Hà Tĩnh,
Chiến đấu cho tới cùng
Một lòng trung vì nước.

Thế đối đầu. khó khăn cho Pháp,
Gặp cùng lúc chống Đức, đánh ta.
Đội Cấn, Ngọc Quyển xông pha: ⁴
Thái Nguyên nổi dậy phóng tha tội tù,

1- Phan Thanh Giảng (1800-1873), làm quan dưới 3 triều vua Minh-Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Trước tình thế binh bị thì quá thua kém, văn học thì vụ từ chương, công thương lạc hậu, tự biết không thể đương đầu, ông đành khuyên tướng giữ thành đầu hàng để tránh binh đao cho dân chúng, rồi ông nạp áo mũ về triều để tạ tội, rồi uống thuốc độc tự vẫn..

2- Ông Quán Hớn với ông Nguyễn văn Bường ở Bà Điểm, Hóc Môn nổi tiếng là trận “Thập Bát Phù Viên”, 70 vị anh-hùng đã thề cùng nhau chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng.

3- Phan Đình Phùng (1847-1895), người tỉnh Hà Tĩnh, đậu đình nguyên tiến sĩ năm 1877. Năm 1855, hưởng ứng phong trào Cần Vương kết tập lực lượng khắp nơi. ông được nhiều danh sĩ góp sức như Cao Thắng, tiến sĩ Phan Trọng Mưu, Cao Nữu, vv.v..

Ngày 17/10/1874, một trận lớn đã làm cho đối phương chết nhiều binh sĩ, và binh khí. Đây là trận cuối cùng. Ngày 28/12/1875, ông bị thương, và tử trần sau đó.

4-, Năm 1917, muốn nhân cơ-hội Pháp bận chiến-tranh với Đức, ông Lương-Ngọc-Quyển lúc đó bị giam ở nhà tù Thái-Nguyên, bèn cổ-động tinh-thần ái quốc, được nhiều binh-sĩ nghe theo. Đêm ngày 31-8-1917, Trại-Cấn cầm đầu 200 lính hạ-sát viên giám-binh Pháp, chiếm các công-sở, phá nhà tù.

Chán cái học “từ chương trích cú.” ¹
Mờ-mịt về “cải cách canh tân.” ²
Thế chiến cuộc, khó xoay vần,
Lấy giáo mác, địch súng thần được sao? ³
Ôm sàu hận biết bao!
Ngẩng, uất thẹn trời cao
Cúi, tim thất, ruột bào,
Dưới trăng, hận “mài dao”. ⁴

1 - Từ chương trích cú : Ý nói cái học không thực dụng, chỉ lo .thơ văn y tích dịch.

2- Hai ông Nguyễn Trường Tộ và Bùi Viện dân dăng điều trần lên triều đình về thay đổi triều chính: Mỏ mang thực nghiệp, thay đổi ngoại giao, mở rộng thương trường, khoa học, canh tân đất nước, Rất tiếc những điều trần và đề nghị của hai ông đều bị triều đình không quan tâm !

3- Trong khi Pháp sử dụng những vũ khí tối tân như súng đại bác, súng đại liên, súng trường và binh lính được huấn luyện kỹ càng. Trái lại bên ta, hơn chỉ có giáo mác không có huấn luyện, ngoài ra nhà nước không có một chiến lược, chiến thuật và phối hợp các lực lượng đấu tranh thì làm sao chống lại Pháp?

4- Đặng Dung “Mài Gươm dưới trăng”.



Sử lược Chống thực-dân Pháp (Dân gian)

A/ Lược Tóm Chính-Sách Cai-Trị Của Thực-Dân Pháp:

*Từ các hòa-ước 1862, 1883, 1884 đã chia cắt
Nam-Kỳ, Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ.*

*Mặc-dầu, trên hòa-ước là “bảo-hộ”, nhưng
thực-tế, thực-dân Pháp nắm trọn quyền cai-trị nước
Việt. Nước Việt tuy còn vua, nhưng chỉ là danh-biêu.
Nhất-thiết mọi chiếu chỉ trong nước đều trước hết phải
bẩm cáo với người Pháp, người Pháp có đồng ý mới
được thi-hành, hoặc người Pháp trực tiếp truyền ra ý
chỉ, thì người Việt chỉ có quyền vâng dạ tuân-hành.*

*Chính-quyền thực-dân Pháp đối với các phần
tử Việt chống đối thật là tàn ác, không xứng-đáng
với một dân-tộc tự nhận là văn-minh. Chẳng-bạn như
trường-hợp các nghĩa-sĩ Cao-Thắng, Phan-Đình-
Phùng người anh-hùng Cần Vương dù đã chết, nhưng
thực-dân Pháp đào mồ, đốt xác; Những người ra đầu
thứ, lúc đầu thường hậu, dùng lời ngon ngọt để dụ
họ tự giết nhau lục-tục ra đầu thú hết, đến khi sào-
buyệt trong rừng núi không còn ai, liền dẫn những*

người đầu thú ra chém hết!

*Về thuế má thật là cực-kỳ bóc-lột! Tất cả gồm
19 thứ thuế: thuế nhà cửa (chiếu theo từng phòng,
từng hạng), thuế bến đò, thuế sinh tử, thuế khế khoán
(trước bạ), tạp thuế nhân sự (giỗ chạp, tống táng,
sửa sang nhà cửa, tụ hội,..), thuế thuyền bộ, thuế
buôn bán, thuế chợ, thuế muối rượu, thuế đèn chùa,
thuế công-nghệ, thuế địa sản, thuế ruộng trồng thuốc,
thuế thuốc sống, thuế thuốc chín thuế tư cục (thuế
các nhà buôn nhỏ ở chợ), thuế điền thổ, thuế nhân
khẩu, bóc lột đến nỗi bán vợ, bán con, bán hết nhà
cửa để nộp sưu thuế. Do đó, có đoạn thơ nói lên nỗi
thảm thương về sưu thuế.*

*“Không trời khổ lắm thay
Có trời sướng lắm thay
Vợ con tính sao đây
Không đất phải tiêu ma
Ta chuộc trời ta về
Trời kia không tuổi già.”*

*Ngoài ra còn vơ-vét những tài-nguyên thiên-
nhiên đem về mẫu quốc; đồng thời du nhập những
tư tưởng xa lạ với dòng sinh mệnh Việt. Những tác
phẩm còn lại ngày nay như: “Giọt Lệ Thu” của
Tương Phố, “Tố Tâm” của Hoàng Ngọc Phách,
“Đoạn Tuyệt” và “Lạnh Lùng” của Nhất Linh,
“Hồn Bướm Mơ Tiên” của Khái Hưng” v.v... đều
bị ảnh-hưởng ít nhiều từ văn học ủy-mị lãng-mạn,
và tự do cá nhân một cách phóng-túng của Tây
phương; xã-hội tự phân chia giai-cấp nên mới có
câu “phi cao đẳng bất thành phu phụ” trong thời
Pháp thuộc,...*

Quả là:

“Làm thân nô-lệ đọa đày

Khổ hơn trâu ngựa, đấng cày muôn phần!”

B/ Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp:

-Năm 1908, những biến-cố dồn-dập, từ cuộc nổi dậy chống thuế và chống đi phu ở các tỉnh miền Trung, vụ lính Tây và tay sai ở Hà Thành bị đầu độc (do sự chủ mưu của Duy-Tân hội và nghĩa quân của Đề Thám), đến sự hoạt-động mạnh-mẽ của Đông-Kinh Nghĩa Thục, các thương hội, nông hội đã khiến cho giặc Pháp quyết-định tấn-công nghĩa quân Yên-Thế.

Bắc Giang khởi lửa ngập trời vào năm 1909, với các trận đánh khốc-liệt diễn ra tại rừng Phê, Đồng-Vương, Sơn-Quả, Đồn-Đệm, Núi Hàm-Lợn, Thanh-Thủy, Nai Tu-Châu, Mỏ Thổ, Đông-Mai, Lập Chí, Xuân-Lai, Hiền-Lương, Ninh-Bắc, Bạch-Đa, Thượng-Yên, Yên-Lỗ, Núi lang...Trước hỏa lực của Pháp quá mạnh, Đề Thám phải chuyển quân sang vùng Tam-Đảo rồi qua Thái Nguyên.

Năm 1910, nghĩa-quân Yên-Thế thiệt hại nặng-nề. Thực-dân chia quân ruồng-bố khắp nơi quyết diệt Đề Thám. Đề Thám và số nghĩa-quân phải di chuyển thường-xuyên, gian-khổ vô cùng.

Đến ngày 18 tháng 3 năm 1913, giặc Pháp dùng kế mua chuộc tên Lương-Tam-Kỳ phái thủ-hạ đến ám sát Đề Thám. Sau khi Đề Thám bị hại, cuộc khởi-nghĩa Yên-Thế hoàn-toàn thất bại !

Tất cả các cuộc khởi-nghĩa đấu tranh trên tuy rất anh-dũng, nhưng cho thấy rõ tính-cách giai-đoạn và thiếu phối-hợp trong một kế-hoạch toàn dân kháng-chiến.

Đến ngày 18 tháng 3 năm 1913, giặc Pháp dùng kế mua chuộc tên Lương-Tam-Kỳ phái thủ-hạ đến ám-sát Đề Thám. Sau khi Đề Thám bị hại, cuộc khởi-nghĩa Yên-Thế hoàn-toàn thất bại /Tất cả các

cuộc khởi-nghĩa đấu tranh trên tuy rất anh-dũng, nhưng cho thấy rõ tính-cách giai-đoạn và thiếu phối-hợp trong một kế-hoạch toàn dân kháng-chiến.

*** Cuộc Khởi-nghĩa Thái-nguyên**

Năm 1917, muốn nhân cơ-hội Pháp bận chiến-tranh với Đức, ông Lương-Ngọc-Quyến lúc đó bị giam ở nhà tù Thái-Nguyên, bèn cố-động tinh-thần ái quốc, và được nhiều binh-sĩ nghe theo.

Đêm ngày 31-8-1917, Trịnh-Cấn cầm đầu 200 lính hạ-sát viên giám-binh Pháp, chiếm các công-sở, phá nhà tù, giải-phóng tù nhân. Nghĩa-quân làm chủ Thái-Nguyên được ba ngày, nhưng vì thế cô, nên quân sĩ tử trận lần-lần, đội Cấn tự-sát.

*** Cuộc Khởi-nghĩa Yên-Báy**

Năm 1927, Việt-Nam Quốc-Dân đảng ra đời, do hai ông Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu lãnh-đạo. Tôn-chỉ của đảng lấy "Tam Dân" làm chủ-nghĩa. Đảng bành-trướng rất mau, nhằm giải-phóng dân-tộc khỏi ách đô-bộ của thực-dân Pháp.

Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 2 năm 1930, Việt-Nam Quốc-Dân đảng mở một cuộc tổng bạo-động trên toàn cõi Bắc-Kỳ: Yên-Báy, Hưng-Hóa, Lâm-Thao, Hà Nội, Phụ-Dực (Thái-Bình), Hải-Dương. Rất tiếc, cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy thất-bại ! Lãnh-tụ Nguyễn-Thái-Học bị bắt tại Cổ-Vị (Hải-Dương) vào ngày 20/2/1930.

Ngày 17/6/1930, Nguyễn-Thái-Học và 12 đồng-chí lên đọan đầu đài tại Yên-Báy.

B/Tinh-Thần Kháng-Chiến của Dân Việt:

Căn-cứ vào quá-trình lịch-sử dân-tộc, từ 1865 đến 1900, ta thấy đó là thời-kỳ cự-tuyệt giữa hai nền văn-bóa Âu Tây và Nho học. Trong khi Âu Tây phát-triển mạnh về công-kỹ-nghệ, có võ-khí tối-tân

nhắm tìm thuộc-địa, ngược lại triều-đình Việt lúc bấy giờ “tự coi là mãn-túc, ếch ngồi đáy giếng không trông thấy trời, vẫn vui chơi, vô yên nghĩ... Chính giáo thì hủ-lậu, mọi việc đều mô phỏng Minh. Thanh. Võ sĩ thì cốt ở cờ trống mỹ quan, côn quyền coi như trò chơi...”, văn-sĩ trong nước chỉ lo gọt giũa văn-chương, ngâm-nga thi phú. Đến khi địch tới, kẻ bàn chiến, người nói thủ, kẻ ứng hòa, không nhất quyết một lòng, khiến dẫn đến sự thất-thủ ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, rồi ba tỉnh phía Tây, sau đến sự bảo-hộ ở Trung và Bắc-Kỳ là điều dễ hiểu.

Tuy thượng tầng cơ-sở thì hủ-bại, dân trí lạc hậu, nhưng tinh-thần yêu nước thật là đạt-dào suốt mặt. Các ông Nguyễn-Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Trương-Định, Trương-Bạch khởi-nghĩa liền mấy trăm trận chống Pháp; Nguyễn-Huân oanh-liệt, ba lần bị bắt, trốn khỏi ngục lại tự nghĩa. Lúc sắp bị giết vẫn khẳng-khái: “Túng tử dĩ kinh hồ lỗ phách, bất hàng cam đoạn tướng quân đầu” (Dẫu chết cũng kinh hồn nghịch tặc, không hàng chịu chém cổ tướng quân). Năm Tự-Đức thứ 35, Hoàng-Diệu tư thất cổ tuần tiết theo thành; Hữu quan án-sát Hải-Dương là Nguyễn-Cao tự đảng khởi-nghĩa mưu lấy lại tỉnh thành. Bị Pháp bắt, ông tự mổ bụng, không chết, lại tự cắn lưỡi mà chết...

Trải hơn 80 bị Pháp đô-hộ, quốc dân Việt đã trải những năm dài u-tối.

Tâm-trạng sỹ-phu, tuy bị bó tay trước thời cuộc, nhưng âm-thầm:

“Khắc khoải sầu đưa giọng lừng-lơ
Ây hồn Thục đế thác bao giờ ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?
Ban đêm rờn-rã kêu ai đó
Giục khách giang-hồ dạ ngẩn-ngơ !

(Nguyễn-Khuyến)

Nghĩa-sĩ nổi dậy khắp nơi, lòng khẳng-khái của họ sáng vàng-vặc như trăng sao:

“Sống mà chết chìm trong dê, chó
Thà chết đi cùng trời đất đi về...”

(Nguyễn-Cao)

Người thì dùng ngọn Bút “tảo thiên quân chi trận địa” (dùng thơ văn mong đánh bại nghìn quân ngoài trận), nhưng tiếc thay tất-cả đều thất-bại. Thất-bại không chỉ ở mỗi cá-nhân, mỗi phong-trào, mà là sự thất-bại chung của đất nước.

Năm 1941, đệ Nhị thế-chiến bùng nổ, phi-cơ Nhật oanh-tạc căn-cứ đồng-minh tại Thái-Bình-Dương, chính là thời-cơ cho các tổ-chức, đảng-phái cách-mạng Việt-Nam trỗi dậy.

Tại Lạng-sơn, có Phục-quốc quân do Trần-Trung-Lập lãnh-dạo;...Ngoài ra, các đảng-phái như Đại-Việt Dân-Chính do Nguyễn-Tường-Tam xưng lập (sau đổi là Đại-Việt Quốc-xã); Việt-Nam Ái Quốc đảng do các ông Nguyễn-Xuân-Chữ, Vũ-Đình-Di; Dân-chủ đảng của Vũ-Đình-Hoè, Dương Đức-Hiền (Dân-chủ sau hoàn-toàn lệ-thuộc mặt-trận Việt-Minh); Đại-Việt Quốc-Gia Liên-minh (Đại-Việt quốc-xã và Đại-Việt Quốc-Dân đảng là hai cột trụ), và Đông-Dương Cộng-sản đảng.

Từ 1940 đến 1945, ngoài sự đổ máu vì đấu tranh, tang tóc khắp bầu trời Việt do:

- Nạn nộp thóc cho Nhật, và cho Pháp dự-trữ để chờ sự đổ-bộ của đồng-minh,

- Ruộng đất bị trưng-dụng để trồng đay, thầu

đoạn do bom đạn,...nên đã gây nên nạn đói chưa từng thấy. Gần 2 triệu người chết la-liệt khắp các xóm chợ, ven đường từ Trung ra Bắc !

Trước tình-cảnh đen tối, mọi người đều đã sẵn-sàng đứng dậy đi tìm một sinh-lộ cho chính mình cũng như cho đất nước.

Ngày 10-8-1945, Nhật đầu hàng Đồng-minh sau khi bị oanh-tạc bằng bom nguyên-tử. Thế chiến II chấm-dứt, mở màn chiến-tranh ủy-nhiệm cục-bộ địa-phương. Cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc âm-ỉ từ lâu, đã có lần bộc-phát nhưng thất-bại. Nhân không trông lịch-sử này, đảng Cộng-sản Việt đã nbanh tay và kịp thời nắm lấy. Được cộng-sản quốc-tế thông-báo mọi đường đi nước bước của thế-giới, mặt-trận Việt-Minh nắm được cơ-hội nghìn năm một thuở mà đi trước các đảng-phái cách-mạng khác. **Vì lòng yêu nước, vì căm-thù thực-dân và phát-xít, nhân dân Việt đã không ngần-ngại, nhiệt-thành hưởng-ứng ngay cuộc đấu-tranh giành độc-lập, tự-do, mà không cần tìm biểu thành-phần hướng-dẫn, lãnh-đạo.** Vận-dụng tinh-thần yêu nước cấp đđi ười chiêu-bài Mặt-Trận Việt-Minh với tìm cách vô-hiệu-bóa và tiêu-diệt ảnh-hưởng của các đảng-phái Quốc-gia khác để độc quyền lãnh-đạo.

Chiến-tranh Việt-Pháp giới-hạn ở địa-bàn Việt-Nam và chỉ liên-hệ trực-tiếp giữa hai bên, nhưng lại bị đặt trong cao-trào giải-phóng dân-tộc trên thế-giới. Sự can-thiệp của quốc-tế vào chiến-tranh địa-phương. Ở bất cứ bên nào, dù nhân danh giải-phóng hay bảo-vệ tự-do đều đã tạo điều-kiện cho dạng-thức chiếm-hữu mới đặt chân, xây nền bành-trướng.

"Ngày 25 tháng 8-1845, Bảo-Đại thoái vị, chính-phủ Trần-Trọng-Kim bị giải-tán và m ột chính-phủ lâm-thời do Hồ-Chí-Minh làm chủ

-tịch ra mắt quốc-dân vào ngày 2 tháng 9 19458.

Vài tuần sau, quân-đội Trung-Hoa của Tưởng-Giới-Thạch dưới danh-nghĩa Đồng-minh sang giải giáp quân-đội Nhật, chiếm đóng từ Bắc-Việt vào đến vĩ tuyến 16 (Đà-Nẵng). Cũng trong dịp này quân-đội hoàng-gia Anh-Ấn đổ bộ vào Nam Việt.

Trước tình thế khó-khăn, Hồ-chí-Minh đã phản-bội chính-nghĩa Dân-tộc và tiêu-diệt đảng phái quốc-gia qua các hành-động:

- Một mặt Hồ-Chí-Minh cho phát-động tuần lễ quyền vàng để mua vũ-khí, nhưng thực-chất là để đút-lót các tướng Tiêu-Văn, Lư-Hán và Hoàng-Cường, chỉ-buy quân-đội Trung-Hoa tại Bắc-Việt bấy-giờ (các tướng này vốn được chỉ-thị ủng-hộ Quốc-Dân đảng và Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh hội).

- Mặt khác, Hồ-Chí-Minh đã thỏa-thuận ký-kết hiệp-định 6-3-1946, một hiệp-định phản lại tinh-thần kháng-chiến chống Pháp giành độc-lập và thống-nhất của toàn dân.

Hiệp-định sơ bộ 6/3/46 là một "bãi nhổ" của thực-dân vào cao-trào kháng-chiến của dân Việt! Nhờ hiệp-định này, thực-dân Pháp đã không tốn máu xương chiếm lại được những vị-trí then-chốt ở Bắc-Việt - "Nước Việt-Nam gia-nhập khối Liên-hiệp Pháp chỉ là một hình-thức tái lệ-thuộc không hơn không kém.

Đối với Đông-Dương Cộng-sản đảng mà Hồ-chí-Minh lãnh-đạo được ít nhiều lợi thế:

- Được chính-thức công-nhận là một lực-lượng để Pháp đàm-phán;

- Được rảnh tay diệt-trừ các đảng-phái quốc-gia để củng-cố quyền lực.

- Sự có mặt của Pháp có thể tránh sự can-thiệp của Đồng-minh yểm-trợ cho phe cánh Quốc-gia.

Dù hai bên có ký hiệp-ước, nhưng chiến trận Đông-Dương vẫn bùng-nổ.

Lần thứ nhất từ năm 1945 -1954, dưới sự lãnh-đạo của Hồ-chí-Minh và tập-đoàn Cộng-sản, quốc-dân Việt bị phỉnh-gạt bởi danh-nghĩa “độc-lập” và “tự-do” nên đã đóng góp gần 2 triệu sinh mạng:

* Hơn một triệu hy-sinh cho cuộc chiến,

* Gần 1 triệu bức tử vì “Cải cách ruộng đất”.

“Chiến dịch cải-cách ruộng đất chia làm 5 đợt, kéo dài từ 1952 tới 1956... Đây là âm-mưu tận diệt truyền-thống cùng cơ-cấu xã-hội của dân-tộc có thể nói là lớn nhất và có hệ-thống nhất trong lịch-sử. Bộ máy tuyên-truyền xách-động của đảng không bỏ quên một chi-tiết nào cả.

Tuổi trẻ được đảng dùng những đòn tâm-lý tinh-vi và chi-tiết nhất để đẩy chúng vào đường “đấu tranh giai- cấp”. Đảng dạy trẻ theo dõi cha mẹ, hình dung ra những tội ác tưởng-tượng, kể cả tội loạn luân, và cùng về hòa với đám đông bị kích-động đến tột cùng mong “chiếm ngọn cờ đầu” trong việc tố khổ ông bà cha mẹ chúng. Trong những ngày tháng đầy máu và nước mắt này, Xuân-Diệu lại hăng say:

Anh em ơi quyết chung lưng
Đấu-tranh tiêu-diệt tàn hung tử thù
Địa-hào đối-lập ra tro
Lừng-chừng phản-động đến giờ tan xương
Thấp đuốc cho sáng khắp đường
Thấp đuốc cho sáng đình làng đêm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống đọa đày chết thối !

Bọn nó ở đây là cha mẹ, là ông bà, là chủ điền, là những người có công với kháng-chiến với đất nước. Hàng triệu trẻ em, thiếu-niên sau đó

sống sót thì cũng thành kẻ “câu-bơ câu-bắt” , trở-thành những kẻ khốn cùng trong xã-hội vì liên-hệ cường-hào, địa-chủ. Đảng thành-công trong việc đảo lộn giá-trị đạo-đức, cướp không những công-trình mồ hôi nước mắt của nhân-dân, đảng chủ-trương thà giết lầm hơn tha lầm, cho hận thù giai-cấp bắt rễ vào đầu óc nhân dân đến độ tình người cũng nhường bước. Giết một người làm vạn người sợ, giết vô tội vạ. Mỗi huyện, mỗi tỉnh đảng khoán riêng một con số địa chủ phải giết. Trong hoàn cảnh ấy, con người không còn dám chiến đấu, quên hết mọi nền-nếp, chỉ lo cho sự sống còn của chính mình...

Từ 1946 cho đến 1950, cuộc chiến giới-hạn giữa Việt-Minh với thực-dân Pháp. Pháp hầu như làm chủ chiến-trường từ Nam ra Bắc nhưng sau đó dần dần yếu thế.

Pháp thất trận tại Điện-Biên Phủ, hội-nghị Genève được nhóm họp, và sau cùng ngày 21-7-1954, một hiệp-định đình-chiến tại Việt-Nam gồm 47 điều. Các khoản chính trong hiệp-định:

- Định một giới-tuyến quân-sự, từ cửa sông Bến Hải đến làng Bồ-Hồ-Su và biên-giới Lào Việt.

- Cấm đem thêm quân-đội, vũ-khí đạn dược hoặc lập thêm căn-cứ quân-sự mới.

- Cấm phá-bủy trước khi rút lui, không trả thù hoặc ngược đãi những người đã hợp-tác bên đối-phương...

Ngoài ra, bản tuyên-ngôn chung gồm:

* Xác nhận không được lập căn-cứ quân-sự cho ngoại quốc, không được gia-nhập một liên-minh quân-sự nào.

* Dân-tộc Việt phải được hưởng tự-do dân-chủ, và tổng tuyển-cử sẽ được tổ-chức vào tháng 7 năm 1956, dưới sự kiểm-soát quốc-tế, và hai miền Nam - Bắc sẽ bắt đầu trao đổi ý-kiến về vấn-đề này từ 20-7-1955...

Kinh nghiệm bằng xương máu và nước mắt dưới chế-độ cộng-sản kể từ 1954 đến 1-7-1955 đưa đến cuộc di-cư từ Bắc vào Nam gồm gần triệu người:

* 533,868 người vào Nam bằng tàu biển.

* 243,657 người vào Nam bằng máy bay.

Với truyền-thống “sống ở làng, sang ở nước” thế mã phải bỏ lại mồ mả tổ tiên, ruộng vườn, nhà cửa để ra đi vì sự sống còn. **Đó là bản cáo-trạng hùng-hồn về tính-chất phi dân-tộc, phi dân-bản, và phi nhân của tập-đoàn cộng-sản do Hồ-Chí-Minh lãnh-đạo.**

Ngày 10-8-1945, Nhật đầu hàng Đồng-minh sau khi bị oanh-tạc bằng bom nguyên-tử. Thế chiến II chấm-dứt, mở màn chiến-tranh ủy-nhiệm cục-bộ địa-phương. Cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc âm-ỉ từ lâu, đã có lần bộc-phát nhưng thất-bại. Nhân không trông lịch-sử này, đảng Cộng-sản Việt đã nhanh tay và kịp thời nắm lấy. Được cộng-sản quốc-tế thông-báo mọi đường đi nước bước của thế-giới, mặt-trận Việt-Minh nắm được cơ-hội nghìn năm một thuở mà đi trước các đảng-phái cách-mạng khác. Vì lòng yêu nước, vì căm-thù thực-dân và phát-xít, nhân dân Việt đã không ngần-ngại, nhiệt-thành hưởng-ứng ngay cuộc đấu-tranh giành độc-lập, tự-do, mà không cần tìm hiểu thành-phần hướng-dẫn, lãnh-đạo. Vận-dụng tinh-thần yêu nước của nhân-dân, đảng cộng-sản núp dưới chiêu-bài Mặt-Trận Việt-Minh với tìm cách vô-hiệu-bóa và tiêu-diệt ảnh-hưởng của các đảng-phái Quốc-gia khác để độc quyền lãnh-đạo.

Chiến-tranh Việt-Pháp giới-hạn ở địa-bàn Việt-Nam và chỉ liên-bộ trực-tiếp giữa hai bên, nhưng lại bị đặt trong cao-trào giải-phóng dân-tộc trên thế-giới. Sự can-thiệp của quốc-tế vào chiến-tranh địa-phương ở bất cứ bên nào, dù nhân danh giải-phóng dân-tộc hay bảo-vệ tự-do đều đã tạo điều-kiện cho dạng-thức chiếm-hữu mới đặt chân, xây nền bành-trướng.



Bì hùng ca chống Pháp

Dân gian (1930-1945)

“Vũ-trụ chức phận nội,
Đứng trung phu một túi kinh luân.
Thượng vị đức, hạ vị dân,
Sấp hai chữ quân thân mà gánh vác...”¹

Khi, nước nhà bị Pháp xâm lăng?
Lâm nô lệ, há cam tâm chịu?
Mà đem tài chí, giúp đời?
Tự do, độc lập, người người chờ mong.

Rực lửa sáng, đốt tàu Lòng Tảo
Xúng tên người . “**Trung Trực**”² kính yêu.
Non sông ử-rũ tiêu-diêu,
Trả ta sông núi mục tiêu làm đầu.

Phạm Hồng Thái,³ tiếng bom Sa Điện,
Sấm vang trời, tưởng diệt Merlin.
Nào hay Trời chẳng chiều người!
Anh hùng lỗ vận, liệu thời hủy thân!

1- Thơ Kể Sĩ của Nguyễn Công Trứ.

2- Nguyễn-Trung-Trực (1838-1868) quê Tân An, Gia Định cầm đầu nghĩa quân ở Tân-An, Rạch-Giàu. Năm 1861, đốt tàu *Espérance*. Năm 1868, ông đem quân chiếm đồn Kiên-Giang (Rạch-Giá) giết viên tỉnh-trưởng người Pháp và quân giữ đồn. Ông bị bắt và bị đem bắn ở Rạch-Giá

3- Phạm Hồng Thái tên khai sinh là Phạm Thành Khôi (1895-1924) và là người đặt bom ám sát toàn quyền Mariel Mertin. Ông quê Nghệ An, Thành viên trong Việt Nam Quang Phục hội, vượt biên qua Thái Lan, rồi sang Quảng Châu năm 1918. Tháng 4/1924, ông qua nhập Tâm Tâm xã. Nhóm này chủ trương bạo động. Ngày 19/6/1924, ông giả dạng ký giả vào khách sạn Victoria, tô giới Sa Điện để ám sát Merlin, nhưng Merlin thoát nạn, ông phải trốn chạy và tị nạn ở sông Châu Giang.

Quốc Dân đảng, anh tài **Thái Học**
Cùng mười hai liệt-sĩ lưu danh.¹

Biết bao đảng phái đấu tranh.
Góp đem tài sức, bẻ nanh quân thù.

Nào Việt Nam Quang Phục,²
Nào Phục Quốc Đồng Minh.³

Đều kiên-quyết, nặng lời nguyện:
Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.

Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội,⁴
Hội vô sản, phục vụ công nông.

Danh thường gọi tắt Việt Minh,
Mượn vỏ dân tộc gạt mình, gạt dân . . . !

1- Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Yên, Trước chủ-trưởng ngoan cố của thực dân, Ông cùng một số thanh niên đồng chí hướng thành lập Việt Nam Quốc Đảng đấu tranh giành độc lập cho dân tộc vào ngày 25-12-1927 13 liệt sỹ Việt Nam Quốc Dân Đảng lên đoạn đầu đài ngày 17/6/30: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Nguyễn Như Liêm tức Ngọc Tĩnh, Bùi văn Cửu, Đỗ văn Xứ, Nguyễn văn Tiềm, Nguyễn Đức Thịnh, Ngô văn Nhu, Đào văn Nhật, Hà văn Lão, Nguyễn An, Bùi văn Chuẩn, Bùi Tú Toàn. Trước khi bị chém, các liệt sĩ đều hô to: Việt Nam bất diệt Việt Nam muôn năm.

2 & 3- Việt Nam Quang Phục hội Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh hội thành lập năm 1936, lãnh tụ là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, tổng bí thư Nguyễn Hải Thần, tổng ủy viên Đặng nguyên Hùng. Giải tán năm 1938.

4- Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh hội & Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội đều gọi tắt là Việt Minh, tuy cùng mục đích chống Pháp và phục vụ vô sản công nông, không đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết.

Đã quyết chiến, đâu cần hòa-uớc!
Để tái nô, rõ thực hồ-đồ!
Đảng Cộng sản, lãnh-tụ Hồ²
Tay sai Mao Mác, tội to khôn lường!

1- Hòa ước sơ bộ mừng 6/3/46.

Theo wikipedia.Org: Sau cuộc đảo chính 9/5/45, thực dân Pháp mất quyền cai trị liên bang Đông Dương. Tuy nhiên sau khi Nhật đầu hàng khối Đồng Minh, Việt Minh cướp thời cơ giành chính quyền từ tay đế quốc Việt Nam được đế quốc Nhật bảo trợ nhanh chóng kiểm soát đất nước, và thành lập chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa vào ngày 2/9/1945.

Theo thỏa thuận của 3 cường quốc Trung Quốc, Anh và Hoa Kỳ thì 20 vạn quân Trung Hoa sẽ tiến vào miền Bắc Việt Nam để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Ở miền Nam Việt Nam quân đội Anh tiến vào với nhiệm vụ tương tự. Người Việt Nam đã tự thành lập chính quyền tuyên bố độc lập. Chính phủ Pháp vẫn quyết tâm tái lập quyền cai trị Đông Dương. Tưởng Giới Thạch nhanh chóng nhận thức được rằng với vị trí cường quốc của Trung Hoa sẽ giúp ông ép Pháp phải chấp nhận các điều kiện của ông đưa ra xung đột giữa Pháp và Trung Quốc nếu Pháp muốn quay lại Đông Dương.

Ngày 23/9/1945, người Pháp dưới sự giúp đỡ của quân Anh đã dùng vũ lực buộc ban hành chính lâm thời Nam Bộ trao lại chính quyền cho người Pháp. Tuy nhiên chính quyền Việt đã thực hiện cuộc chiến tranh du kích để chống lại.

Ngày 6 tháng 1, 1946 một cuộc tổng tuyển cử khó có thể xảy ra, sau đó một chính phủ hợp hiến được thành lập 6/5/46 bao gồm những người quốc gia dân tộc cùng một số đảng viên đảng Cộng sản. Sáng ngày 6/3/46, phiên họp hội đồng chính phủ có Vũ Hồng Khanh cùng với Hồ chí Minh ký bản hiệp định sơ bộ với Jean Sainteny ại diện chính phủ Pháp.

Những điểm chính trong hiệp định sơ bộ ngày 6/3/46:

* Chính phủ Pháp công nhận nước VN Dân Chủ Cộng Hòa là một quốc gia trong liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp.

* Chính VNDCCH đồng ý cho 15,000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200,000 quân Trung Hoa Quốc Dân đảng.

Nói tóm lại hiệp định sơ bộ 6/3/46 là bài nhỏ vào bộ mặt Kháng Chiến chống Pháp của nhân dân Việt!!!

2- Hồ Chí Minh.

Lợi cho ai, Cửa sông bến Hải ?¹
Để phân đôi, chia cắt hai miền!
Vết dao chém Mẹ làm đôi,
Niềm đau lịch-sử đời-đời không quên!

Triệu đồng-bào di cư
Còn đâu là độc lập ?²
Chia đất nước hai miền
Còn đâu là thống-nhất?

1- Hiệp định Genève 1954. Hiệp định được ký kết tại thành phố Genève, Thụy Sĩ để khôi phục hòa bình ở Đông Dương. Hiệp định đưa đến sự chấm dứt chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương.

Nội dung chính hiệp định Geneva ngày 26/4/54: Chính phủ đoàn tham dự: VNDCCH. - Pháp - Quốc Gia VN - Vương quốc Campuchia - Vương quốc Lào - Vương quốc Anh - Hoa Kỳ - Liên Xô - Trung quốc.

Nội dung cơ bản hiệp định:

* Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, không can thiệp vào công việc nội bộ ba nước.

* Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

* Các bên tham chiến thực hiện cam kết chuyển quân, chuyển giao khu vực, trao trả tù binh.

* Dân chúng mỗi bên có quyền di cư sang lãnh thổ do bên kia kiểm soát trong thời gian quân đội 2 bên đang tập kết,

* Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương, Nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự tại Đông Dương.

* Thành lập đội Quốc Tế Kiểm soát Đình Chiến Đông Dương.

* Cửa Sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 được dùng làm giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tập kết quân sự tạm thời.

2- Đứng trên lập trường Dân Tộc khi ký vào bản hiệp định Genève là mất chính nghĩa, Vì sương máu đã đổ ra không phải để thực dân còn có quân đội tại đất nước và chia cắt đất nước làm hai miền.

Chính kiến về cuộc chiến Quốc - Cộng.

1945-1954

Thật là chua chát và thương đau ! Trên bước đường “*lưỡng đối cực*” Tư-bản và Cộng sản, dân tộc Việt đổ quá nhiều máu, lệ! Mấy trăm ngàn dân Nhật chết nhấp-nháy vì hai quả bom nguyên tử, sáu triệu dân Do Thái thành tro trong những lò thiêu của Đức Quốc Xã. Nhưng những cái chết bi hùng hay thảm khốc này đều biết vì sao mà chết, do ai gây ra. ***Đây là những cái chết để tạo nên cái sống***, trong những cái chết đó có nảy sinh những gì tốt đẹp do loài người hối-hận, do phản tỉnh hồi đầu,...

Đúng như giáo sư Nguyễn Thùy đã viết trong bài “Việt Nam, Địa Bàn Được Chọn” đăng trong nguyệt san Dân Ý số 22, tháng 7/1996 :” *Chiến tranh Việt Nam không thể - Những chết chóc trong cuộc chiến tại Việt Nam cho những ý nghĩa xa-xôi, lẫn-khuất, oan khiên để đến ngày nay vẫn còn là mối nhức-nhối cho dân tộc Việt và cho thế-giới.*

Dân tộc Việt không chết cho mình. Việt Nam bị phân thành hai chiến tuyến, tự ghép mình vào mỗi bên, nhận lấy cái thân phận Horace và Curiace xưa kia, bị đẩy vào kiếp “gà chọi” đau thương, để bị ném tung ra đấu trường! Hai người thân cùng nhà bị cưỡng bức nhìn nhau trong hận thù đối thủ! Cả hai miên man đi trong niềm tự hào lý tưởng của mình, thi đua bắn giết. Rồi ngày về trong vòng hoa chiến thắng, giữa tiếng hoan-hô mừng đón rập-rình, thoắt nhiên thấy giữa loạn công huyên náo một rỗng không nhạt-nhẽo lê-thê. Ngôi nhà thân yêu không còn những giai điệu của ngày xưa và không còn tiếp mình trong niềm vui hồn nhiên thuở trước. Những chiếc lọ cổ bể nát bị ném vào xô-xĩnh hoặc bị quẳng đi

không thương tiếc! ảnh hình cha mẹ bụi bặm đục mờ nay bị gỡ xuống, thay vào đó là những chân dung xa đâu đâu. Rồi tự đáy tim bầm-giập vì chiến tranh, bỗng dâng lên niềm ai-oán: “Ta chưa hề chiến thắng - ta chưa hề chiến thắng! Tuổi trẻ đã chết đi trong những chiến thắng của mình!”

Còn lại những gì? Một quê hương rách nát, hàng triệu người xơ-xác rướm máu. Giữa bạo cuồng man rợ của lời hô, tiếng hét căm hờn, giữa náo loạn, giữa lọc lừa, tính toán giành tranh quyền lực, tất cả được nâng thành bạo lực...???

Phía đằng sau chiến tranh thật thâm-thảm! Một xã-hội rộn ràng theo chỉ-thị, từ nụ cười, ánh mắt, tiếng khóc, lời kêu bên cạnh một xã-hội kiêu xa, lừa lọc, trưởng giả, lưu manh. Cuộc sống lạnh-lùng thâm-thảm, điêu tàn vì nghĩa vụ với hy sinh; vì xiềng xích với gông cùm, từ ý nghĩ đến việc làm, đến cả lời ăn tiếng nói, chốn ở nơi đi, tất cả đem sức mình tuân phục theo một khẩu hiệu như những lưỡi dao, mũi kiếm, đầu súng dĩa mạnh sau lưng...”

* Chúng ta cũng đau khổ, thực-chứng thứ “**Dân Chủ giả hiệu.**” Thanh niên thời đại lấy làm vinh-dự để nói đến dân chủ. Dân chủ ví như thần thánh, dân chủ là hình ảnh giàu có, bình-đẳng và khoa học. Nhưng than ôi! Dân chủ hiện nay chỉ là chủ nghĩa cá nhân, cho nên dân chủ chính thể là kết-quả chính trị của chủ nghĩa cá nhân. Trong nước dân chủ phải có tiền mới bình đẳng và sinh sản phải tùy khoa học phát minh mới tiến bộ. Chế độ tư bản dân chủ cố nhiên lúc đầu thay thế cho xã-hội phong kiến được coi là cứu thế, nhưng đi đôi với tiến hóa của lẽ vô thường, từ thương nghiệp tư bản tiến lên công nghiệp tư bản làm cho trong nước giai cấp chia ly và chính trị đảng tranh. Lại từ công nghiệp tư bản tiến lên đến kim dung tư bản, sự cần dùng thị-trường nảy nở ra đế quốc thực dân, từ đó

đến *quân-hóa tư-bản* gieo-rắc chiến-tranh cho thế-giới. Đến tận kỳ, chế độ này làm cho nhân-chủng linh-lạc, gia đình linh-lạc, cá nhân linh lạc, ở đó mà quốc-gia linh-lạc!

Sự cần yếu cho tái sinh sản của tư bản nảy nở ra các hình-thức bế-môn tỏa-cảng lối mới như khối “*pound*”, khối “*monroe*”, khối “*yen*”,...càng sù-y động cái dục vọng diệt chủng, vong quốc người khác bằng vũ-khí kinh-tế, và nguy-cơ chiến-tranh cũng ở đó.

Từ thực chứng cho chúng ta thấy chỉ có *khổ hạnh nan hành* mới có thể cứu sống được đời; chỉ có đau khổ sâu đậm mới có thể đại giác, có đại giác mới đại nguyện, rồi từ đó tới đại hành trong đại đạo.

Chỉ có sự “*trở về nguồn*”, trở về đời sống dân chúng mới có thể phục-hưng dân tộc. Có nghiêm ngặt trên lập-trường Việt và lấy con “*người*” làm đối tượng để phục-vụ thì cách-mạng, chính-trị và kiến thiết mới thích-ứng dòng sinh mệnh dân tộc và “*thắng nghĩa*”.

Chính trị là lịch sử ngày nay, mà lịch-sử là chính-trị thời qua - Thời-đại là cuộc sống hiện đại. Tất cả những lời nói của dân chúng qua ca dao, tất cả những việc làm của dân chúng bằng sinh sống đủ để làm mục-tiêu, nền tảng cho phương-lược lâu dài về mọi mặt quốc-phòng, chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, văn hóa, xã-hội, nhân chủng và sinh hoạt của nước nòi.

Chỉ có thể-hệ thật tiên tiến mới đủ đại biểu cho tương lai.

Chỉ có thật đại đa số mới đủ đại diện cho dân tộc. Tương lai tỏ lộ trong óc mới của thời đại và viễn kiến.

Có hiểu đúng mới làm đúng. Trang Tử nói: “*Đường sống có bờ, đường biết thì vô bờ*”. Thế nhưng có biết mới sống được. Biết là kết quả của sự sống;

sống với biết hợp nhất. Biết là trục của sự sống, là công cụ của đời sống, đồng thời là nền tảng và yểm trợ của sống.

Đi tìm một “*Đường Sống Việt*” cho tương lai dân tộc mà không xa lìa dòng sống sử Việt, chúng ta hãy nhận lãnh những tinh-hoa của dân tộc qua nền tảng văn hóa, nhất là kinh qua các triều đại huy-hoàng như Lý, Trần và Hậu Lê.

Về cốt lõi tinh hoa của dân tộc, chúng tôi xin trích đăng bài “*Nước - Đặc Tính Gốc của Nền Minh Triết Nhân Bản Việt*” của ông Vĩnh Như đăng trong bản tin “*Tâm Đàm*” số 11/2000 phát hành tại Úc Châu:

“Lúc này hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải mở cửa đi sâu vào ngôi nhà tâm linh để thấu hiểu nguồn gốc “Đạo Sống Việt”, biết được đâu là tinh hoa của đạo sống Việt sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn các yếu tố của văn hóa Việt, hiểu rõ hơn phong cách và tâm hồn người dân Việt. Ngoài ra, đạo sống Việt sẽ giúp chúng ta hiểu rõ những bước đi của tiền nhân những suy nghĩ của tiền nhân, cung cách ứng xử của tiền nhân trước những thăng trầm của lịch sử để từ đấy tìm thấy dòng sinh mệnh của lịch sử nói riêng và văn hóa Việt nói chung; đồng thời giúp chúng ta tìm thấy đâu là hướng đi lâu dài và bền vững của dân tộc.

Những việc làm của tiền nhân có thể sai, có thể đúng. Sai và đúng, tất cả đều là những kinh nghiệm xương máu quý giá đối với chúng ta. Thái độ chất vấn lịch sử, đổ lỗi cho tiền nhân hoặc sùng thượng tiền nhân quá độ đều không hợp tình, hợp lý.

Cha ông làm lịch sử của thời đại cha ông. Chúng ta đang tham dự vào tiến trình làm lịch sử của thời đại chúng ta, và chúng ta có thể học hỏi

được những lời khuyên dạy rút ra từ những kinh nghiệm sống ngàn đời đầy xương máu của dân tộc để làm cốt lõi cho tư tưởng của chúng ta sau khi đã lọc một cách sáng suốt và thực tế. Từ đó, chúng ta vận dụng để thực hiện một cuộc dung hóa mới.

Cho đến nay, không còn nghi-ngờ nữa, khảo cổ học đã tìm được chứng tích dân tộc Việt là chủ nhân của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước lâu đời hàng ngàn năm trước Tây lịch, có địa-bàn sinh-hoạt ở châu thổ sông Hồng và sông Mã khác hẳn với văn-hóa du-mục của Hoa tộc phát-tích ở tây bắc Hoàng Hà.

Will và Ariel Durant đã viết trong cuốn “Lịch Sử Trung Quốc” cho rằng sự phát-triển của lịch sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Tàu ; nền văn hóa du-mục của Hoa tộc đã hấp thụ tinh hoa kinh-nghiệm sống hòa hài, lý **đối lập thống nhất** của nền văn hóa nông nghiệp thuộc Bách Việt trong đó có Lạc Việt. Chính nguyên lý “**đối lập thống nhất**” trở thành hạt nhân, làm nền tảng cho kinh Dịch.

Với lối tư duy phân tích của văn hóa du mục, Hoa tộc đã nhanh chóng chi tiết hóa, hệ thống hóa và phong phú hóa tinh hoa của văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn hóa tổng hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu đài trí thức đồ sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân tộc phương Nam...

Thấu hiểu yếu tính gốc và nắm vững những nét đặc-trưng nền-tảng văn hóa Việt, không phải để quay về quá khứ, hoài cổ, mà là để tìm lại những gia tài quý báu do ông cha để lại mà chúng

ta vô tình đánh mất.





Di ảnh nhà Cánh-mang Phan-Bội-Châu

ề

Chiến ca Ủy nhiệm

Bản hiệp định Giơ-neo (Genève) tồi-tệ!
Chủ đình chiến, liên-hệ Đông Dương? ¹
Phận tiểu-nhược quá đau thương!
Không quyền, thế nhỏ thì cường với ai ?

Chúng hăm-hở thi tài chia cắt, ²
Cắt làm sao, cố vắt chanh khô ³
Anh hai tư-bản - Liên Xô. ⁴
Thêm Tàu nham hiểm, mưu mô! xí phần. ⁵

1-Hiệp định Genève , hiệp định đình chiến ở Đông Dương được ký kết tại Genève ngày 21 - tháng 7 năm 1954.

Thành phần tham dự, gồm: Ngoại trưởng Hoa Kỳ - Ngoại trưởng Nga Xô, Thủ Tướng Trung quốc - Ngoại trưởng Anh quốc - Ngoại trưởng Pháp - Phái đoàn Quốc Gia ViệtNam - Phái Đoàn Viên Nam Dân Chủ Cộng Hòa ViệtNam - Phái đoàn Lào và phái đoàn Campuchia. (Ba phái đoàn Quốc Gia ViệtNam, Lào và Campuchia không được tham gia đàm phán mà do Pháp thảo luận và thông báo sau khi ký kết.)

2- Phía Cộng sản Việt đòi chia từ vĩ tuyến 13, sau cùng chấp nhận sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 làm ranh giới đình chiến.

3-Tuy tranh luận về quyền lợi, nhưng tựu chung các phe thế lực chỉ muốn ép con bài của mình như "vắt chanh bỏ vỏ".

4-Một phe muốn lợi dụng con bài Việt Nam làm phe đồng minh, phe Tàu muốn dùng đất nước Việt Nam làm trái độn

5- Tàu được mời tham dự ở diện góp mặt trong thế chiến II, nên dựa có mặt để ép Việt Cộng ở thế bị kẹp hai đầu.,

Dụng thần khí, đôi co khẩu chiến ¹
Múa đường đao, như tướng Quan Công! ²
Ôi thôi ! Con Lạc cháu Hồng.
Nỗi đau quốc nhục, trong lòng khó quên!

Mỹ dự trù chen chân giặc Pháp.
Tiếp chiến tranh ngăn chặn Cộng lan.
Nga nhắm hỗ-trợ bác cầu. ³
Chết mưu thâm, chặn hai đầu Việt Minh. ⁴

Ôi Độc Lập, Tự do, hạnh-phúc,
Quá xa vời, lời chúc mà thôi !
Hỡi nhân loại, đái bôi, đùa bỡn!
Trả cho Ta, Nước lạng, nhà yên.

Hàng viện trợ, món quà là siêu.
Nuốt vào rồi, kỳ diệu nan y!
Vong thân triệu chúng ly-kỳ.
Tình nhà, nợ nước tức thì lãng quên !

1- Trong hội nghị, điểm đàm-phán gay-go là vĩ-truyền ở đâu?
Bên Việt Cộng đòi cắt từ vĩ-tuyến 13, sau cùng đồng thỏa-thuận vĩ tuyến 17.

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh lấy sông Gianh làm ranh giới,
hội nghị Geneve lấy vĩ tuyến 17.

2- Các phái đoàn thế lực, mỗi phái đoàn đều có chủ ý riêng
(Mỹ dự-trù thây Pháp tiếp chiến để ngăn sự bành-trướng của
Cộng sản - Anh tham dự để ủng-hộ đồng minh Hoa Kỳ -

3- Ba phái đoàn: Quốc Gia ViệtNam, Vương quốc Lào và
Miên ở thế bị Pháp đô hộ, nên không có quyền đàm phán mà
do Pháp đại diện và rao truyền sau khi kết quả hội nghị.!

4- Tàu tham dự với dụng ý bảo vệ vành đai cho Tàu. và tìm
chế Việt Cộng ở hai đầu.

Dân ta trịch: chặn tầm, cấy lúa. ¹
Kén vàng nong, sáo thổi mình trâu.
Tội thay lòng Mẹ quận đau!
Âm-thầm nuốt lệ, lác đầu lâm ly!

Hận sông Gianh, còn ghi Trịnh - Nguyễn. ²
Chia Bến Hải, nhớ lũ hung tàn!
Vết đau ghi nhớ tâm can,
Còn non, còn nước vẫn còn thề xưa. ³

Bấy mười lăm, mang danh **thống-nhất**,
Và hô to: **Độc-lập, tự-do!**
Có tự do, cột đèn muốn chạy ?
Thật độc lập - mọi sự theo Tàu ? ⁴

.....



1-Suốt thời kỳ chiến tranh ủy-nhiệm cả Bắc và Nam. đều
nhận viện trợ ngoại bang, nhưng toàn là những độc dược
(súng, đạn, chiến cụ đã tàn phá đất nước và tinh thần trở
nên vong thân, lãng quên tình nhà nợ nước).

2- Người dân Việt Nam chỉ muốn đất nước thanh bình để vui
vẻ cấy lúa chặn tầm - ấm no đời sống

3- Mẹ Việt Nam khổ đau vì đất nước điêu tàn., và lâm ly các
con mình vì tuyên truyền mê muội mà giết nhau chí tử!

4- Vênh vào độc lập, tự do mà mọi lãnh vực: Chính trị, kinh
tế, quân sự, ngoại giao ,...đều phải chờ lệnh Tàu -

Thay kết từ

“Ngoài những kẻ Việt gian buôn nước, có những kẻ tự nhận làm cách-mạng mà đầu-cơ với hoạt-dầu. Những kẻ không có chính kiến nào xác thật, lung-lay thỏa-hiệp, những con người ấy thường tự xưng “vô đảng” nhưng đảng nào cũng có hết. Thường chỉ vì cái địa-vị sống còn, không danh dự mà khuấy nhọ mọi việc của cách-mạng. Vì không có một lập-trường xác đáng, chẳng có một thái-độ trực triệt. Điều kiện yêu nước của họ phải là phụ thuộc của những điều-kiện cá nhân. Chủ-nghĩa thời cơ là thủ đoạn của họ. Đối với họ dễ-dàng theo đuôi ngoại quốc. Vì theo đuôi nên kiến giải của họ không có nền tảng. Ở họ, bệnh “thiếu máu” và “thiếu óc” cho cách mạng của dân tộc, và cũng chính vì đó mà sinh chia rẽ về lý luận cũng như hành động, nhưng lại ồn-ào như trò “bán cao đơn hoàn tán”!

“Chỉ có sự sống thực tiễn trong đời sống thực tiễn của quốc dân với dân tộc mới soi sáng cho con đường đi của cách mạng và kiến quốc. Vì vậy, lịch sử là quyển truyền phả và là môn học cao sâu duy nhất cho nguyên-tắc lãnh-đạo. Chính trị là lịch sử ngày nay, mà lịch sử là chính trị những ngày qua. Thời đại là cuộc sống bây giờ, lịch sử là cuộc sống những buổi qua. Sự vận hành của hai thời gian đó kết hợp nên và quy định ra con đường của ngày mai.

“Tất cả những lời nói của, ca dao, những việc làm của dân chúng bằng sinh sống đều là những mục-tiêu nền tảng cho những phương lược kiến thiết lâu dài mọi mặt cho nước nhà.

“Chỉ có thể-hệ thực tiễn-tiến mới đủ đại-biểu cho tương lai.

“Chỉ có tầng cấp đại đa số mới đủ đại biểu cho dân tộc.

“Tương-lai tỏ lộ trong óc mới của thời-đại và viễn kiến,

Thế-hệ của thanh niên và tầng cấp 98% của quốc dân Việt chính là đáy tầng dân tộc Việt, là sức gốc của Việt.

“Sự thống trị của dị tộc bần cứ trên mặt tầng thỏa hiệp với đặc quyền. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh mặt tầng và đặc quyền mà trở về đáy gốc.

“Sự thống trị của dị tộc thành lập trên sự cần-cối của nòi giống. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh hết cần-cối mà chìm xuống đáy rễ để đâm lên những chồi mới.

“Làn gió phục-hưng dân tộc không thổi trên mặt tầng, trái lại chỉ thổi dưới đáy tầng để cuốn dậy làn sóng đáy. Những gió ấy và sóng ấy duy nhất có lực lượng để lật đổ hết thảy những thứ gì trên mặt tầng.

“Không gì thổi réo-rắt, nghiêng rít bằng làn gió đáy. Nó như thổi hết thảy 5000 năm, tất cả những hơi lạnh người chết và hơi rợn linh hồn của toàn thể thiêng liêng chồng chất. Gió ấy như một chiếc roi thép quất chúng ta dậy, đau buốt tới xương tủy, thấm tận đáy hồn dân tộc và đáy lòng mọi người. Sự phục hưng ở đó mà ra, làn gió ấy tự ở đáy sử mà thổi, sẽ lôi cuốn hết đáy tầng, đoàn kết lại một mặt trận gốc, 1

Biết thay đổi cách nhìn về cuộc sống và lịch sử sẽ mang lại nhiều bài học, nhiều phong-cách

1- Lý Đông A, “Bông Lau”, 1943.

tích-cực mới-mẻ và khoáng-đạt. Diễn biến phức-tạp của lịch sử và văn hóa là máu-chốt của cuộc thăng tiến trong cuộc sống loài người. Vì điều này mà người ta đưa ra nhiều cách nhìn, nhiều diễn giảng về văn hóa, lịch sử dẫn đến những chướng-ngại, xung đột kéo dài có khi hàng thế-kỷ, cùng hàng triệu người gục ngã, lịch sử loài người đã và đang trải nghiệm điều này., Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn.

Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác. Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn. Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác về quá khứ, hiện tại và tương lai, tránh được hời-hợt, hồ-đồ theo thời.

Lắng tâm suy nghiệm về cách làm sáng cái tâm, biết cách mở lòng mình còn gọi là thức tâm. Suy nghiệm không hẳn là suy-tư, vì suy-tư nhiều khi ngã về cái lý xa-rời thực-tế, quên mất cuộc sống đang sinh động trước mắt, khi suy nghiệm phải nhìn vào thực tại, vào vấn đề truy tìm về quá khứ để rút ra kết luận cho tương lai.

Lắng tâm suy nghiệm là cách suy nghĩ lấy mục đích là sự thức tâm để không bị lừa gạt, phỉnh nịnh. Cuộc đời này có làm việc, thoạt nhìn thấy tốt đẹp, nhưng khi có thời gian suy nghiệm, đối chiếu vào thực-tế thì lại hoàn toàn không như ta tưởng-tượng.

Người xưa còn đưa ra cách nhìn những việc và người của quá khứ để rồi suy nghiệm cho hiện tại. Đây cũng là cách giúp ta tránh được cho ta những lầm lẫn.

Khi nói đến sai lầm, chúng ta lại thấy có những

sai lầm nhẹ-nhàng thoảng qua, song cũng có những sai lầm mà di hại lâu dài, và nặng-nề nhất là những sai lầm về văn hóa, lịch sử. Cứ lấy ngay cuối thế kỷ 19, và thời kỳ đầu thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu là những sai lầm về lịch sử, về văn hóa dẫn đến những hậu quả tai hại cho dân tộc. Vì vậy, ngoài ra cho rằng nếu như ta mất tự chủ về kinh tế thì chỉ vài ba kế-hoạch ngũ niên là có thể đổi mới; nếu mất tự chủ về chính-trị thì chỉ vài ba cuộc đảo chính là phục hồi, nhưng nếu mất tự chủ về văn hóa thì điều này phải mất nhiều đời, nhiều trăm năm chưa chắc. Cho nên nhà tư tưởng Việt, Lý Đông A đã cảnh-giác: “Nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi thân sinh nô tài”. Trong tác phẩm “Huyết Hoa”, người đã nhắc-nhở:

“Nội dung và kết cấu của văn hóa, tự thân nó là tổng nghiệp của toàn thể loài người trong dòng sống lịch sử xã hội và thời đại.” Cũng trong dòng suy nghĩ đó, người đã quảng diễn là lịch sử văn hóa của loài người có đặc-trung là “Viết bằng máu”, sự tiến triển của xã hội loài người được thể-hiện qua biện-chứng khoa học, từ quy luật kinh tế của xã hội phát-triển không ngừng ảnh-hưởng tới những suy tư của thời đại,

Đó chính là nhân của tương-lai. Việc “thay cũ đổi mới” diễn tiến theo chu-kỳ vòng xoáy tròn ốc có nút tét. Từ hạt nhân của thời đại để diễn tiến theo đường vòng đi lên mở ra một xã hội mới “Xuất lộ cho dân tộc, quốc gia, xã hội...” Như thế, ta thấy những bế-tắc của xã hội sẽ là “xuất lộ” cho một xã hội thăng tiến hơn.

“Lịch sử cuộc cách mạng 1789 ở thế kỷ 18 tại Pháp đủ bắt đầu nảy mầm từ những thế kỷ trước với các nhà tư tưởng, các triết-gia như Diderot,

Montesquieu, J. J. Rousseau,... Những cuộc cải tổ vươn lên đó phải là tiến trình tư-tưởng quan niệm của người dân phối hợp với những điều-kiện bên ngoài xã hội gồm cả chủ quan lẫn khách quan dẫn tới cuộc bùng nổ rũ sạch cội đời cũ đầy mục nát, thối rữa của những tẻ doan, “chọc thủng màn đen bằng đấu tranh, hy sinh và vun bồi mà đưa lại những hương thơm, ánh sáng và gió thoảng... Ánh sương mai đã thấm-nhuần những tia sáng bình-minh lóng-lánh, sóng tân sinh đang dạt-dào khắp trong lòng người.”

“Tinh sương nguyệt ánh điểm hưng thì.”

Thiết nghĩ chuyến “ra khơi” nào cũng cần phải có một thủy thủ đoàn tài giỏi, sành sỏi phương hướng chính xác và những phương tiện dồi-dào. Đoàn “thủy thủ” đó được soi sáng bởi lý tưởng cao đẹp của dân tộc, với lòng quyết tâm cao ngất, với phương tiện đầy đủ thì sớm muộn gì cũng sẽ tới đích, tạo nên cuộc hành trình đầy thích thú và gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp, đem lại hoa thơm, trái ngọt cho cuộc hành trình của dân tộc Việt.

*



Sách Tham Khảo:

- 1- **Phan Bội Châu**, “Việt Nam Vong Quốc Sử”, nhà xuất -bản Văn Sử Địa, 1957.25
- 2- **Ban Văn Học Hội Khai Trí Tiến Đức**, “Việt Nam Tự Điển”, Hanoi 1931. (Tổng Đoàn Thanh Niên Thiện Chí tái bản tại Hoa Kỳ. Nguyệt san Ngày Về phát hành.
- 3-**Trần Trọng Kim**, “Việt Nam Sử Lược”, Sống Mới tái xb. 1973-
- 4-**Ngô Gia Văn Phái**, “Hoàng Lê Nhất Thống Chí”, nhà xuất bản văn học Hà Nội, 2002
- 5-**Ôn Như Nguyễn văn Ngọc**, Truyện Cổ Nước Nam của, nhà xb.Văn hóa Thông Tin, 2000)



Thư từ liên lạc, xin gửi về
Ô. Đinh Khang-Hoạt
4025 NE 91st Ave.
Portland, OR. 97220

*Copyright © 2020 by Duy Khang
All rights reserved*